

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 28/02/2020)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 304/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Địa chỉ: Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu,
Tỉnh Sơn La

Điện thoại: (+84-21) 2386 6065 – (+84-21) 2386 9848 Fax: (+84-21) 2386 6184

Website: <http://www.mcmilk.com.vn>

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3936 6321 Fax: +84 24 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Phạm Hải Nam**

Chức vụ: Đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc

Điện thoại: (+84-21) 2386 6065



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU



(Giấy chứng nhận ĐKDN số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 28/02/2020)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán dự kiến:	43.200.000 cổ phiếu trong đó: <ul style="list-style-type: none">- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.340.000 cổ phiếu- Chào bán cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược: 39.192.000 cổ phiếu- Chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 668.000 cổ phiếu
Giá chào bán:	<ul style="list-style-type: none">- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 20.000 VND/cổ phiếu- Chào bán cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược: 30.000 VND/cổ phiếu- Chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 10.000 VND/cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá):	432.000.000.000 đồng
Tổng giá trị chào bán (tính theo giá chào bán):	1.249.240.000.000 đồng.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

- Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 6288 3568 Số fax: (84-24) 6288 5678

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội

- Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: +84 24 3936 6321 Fax: +84 24 3936 6318



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế	6
1.1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	6
1.2	Tình hình lạm phát	7
1.3	Lãi suất	7
1.4	Rủi ro về tỷ giá	7
2.	Rủi ro về luật pháp	8
3.	Rủi ro đặc thù (ngành, công ty, lĩnh vực hoạt động).....	8
3.1.	Rủi ro cạnh tranh trong ngành	8
3.2.	Rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào	9
3.3.	Rủi ro về chất lượng sản phẩm.....	9
3.4.	Rủi ro về việc thay đổi xu hướng tiêu dùng	9
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	10
4.1	Rủi ro của đợt chào bán.....	10
4.2	Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	10
5.	Rủi ro pha loãng	11
5.1	Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu	11
5.2	Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần	11
5.3	Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.....	12
6.	Rủi ro quản trị Công ty.....	12
7.	Rủi ro khác	12
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1.	Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	13
2.	Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội	13
III.	CÁC KHÁI NIỆM	14
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
1.1.	Thông tin chung.....	15
1.2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	16



3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	17
3.1.	Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).....	17
3.2.	Hội đồng quản trị (HĐQT).....	18
3.3.	Ban Kiểm soát (BKS).....	19
3.4.	Ban Tổng Giám đốc (TGD).....	19
3.5.	Phòng sản xuất kinh doanh.....	20
3.6.	Trung Tâm giống, trang trại bò sữa.....	21
3.7.	Phòng KCS.....	21
3.8.	Nhà máy sản xuất của Công ty.....	22
3.9.	Phòng Thị trường.....	23
3.10.	Phòng Tài chính Kế toán.....	23
3.11.	Phòng Tổ chức Lao động:.....	24
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài: số lượng và tỷ lệ nắm giữ);.....	26
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.....	26
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	27
4.3.	Cơ cấu cổ đông tại ngày 10/11/2020.....	27
5.	Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	27
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	27
7.	Hoạt động kinh doanh.....	29
7.1.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	29
7.2.	Chi phí sản xuất.....	33
7.3.	Hoạt động Marketing.....	33
7.4.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	34
7.5.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	36
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	36
8.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	36



8.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.....	37
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	38
9.1.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	38
9.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	38
9.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	38
10.	Chính sách đối với người lao động	38
10.1.	Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty	39
10.2.	Chính sách đối với người lao động	39
11.	Chính sách cổ tức	40
12.	Tình hình tài chính	40
12.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	40
12.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	44
13.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	46
13.1.	Hội đồng quản trị.....	46
13.2.	Ban kiểm soát	52
13.3.	Ban Tổng Giám đốc	55
14.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	60
14.1.	Tài sản cố định	60
14.2.	Tình hình sử dụng đất đai.....	60
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	61
15.1.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	61
15.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh. lợi nhuận và cổ tức nêu trên.....	61
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	62
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	62
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	62
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	62
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	63
1.	Loại cổ phiếu	63
2.	Mệnh giá.....	63
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	63



4.	Giá chào bán dự kiến đối với cổ phiếu chào bán	63
5.	Phương pháp tính giá.....	63
6.	Phương thức phân phối.....	64
a.	Đối với các cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu:.....	64
b.	Đối với các cổ phần chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và theo chương trình lựa chọn cho người lao động:.....	64
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	65
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	65
9.	Phương thức thanh toán.....	65
10.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	66
11.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	66
12.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	67
13.	Các loại thuế có liên quan	68
14.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	68
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	68
1.	Mục đích chào bán	68
2.	Phương án khả thi.....	68
2.1.	Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sữa nước.	68
2.2.	Dự án đầu tư trang trại bò sữa mới với qui mô 4.000 con kết hợp du lịch sinh thái và Dự án nâng cấp trang trại hiện hữu lên qui mô 2.000 con.	69
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	72
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	73
IX.	PHỤ LỤC.....	74
1.	Phụ lục I: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.....	74
2.	Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	74
3.	Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.....	74
4.	Phụ lục IV: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, năm 2019 và Báo cáo tài chính 09 tháng năm 2020	74
5.	Các phụ lục khác.	74



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (gọi tắt là “MCM” hoặc “Công ty”) hoạt động trong lĩnh vực chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

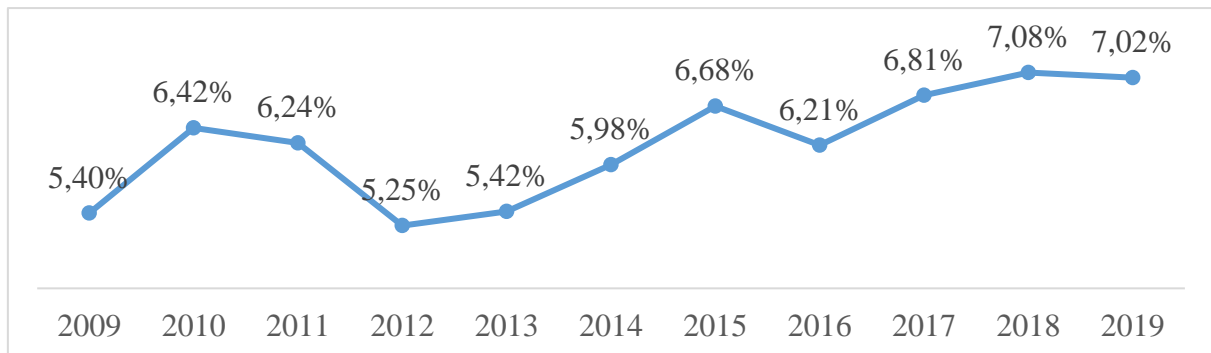
1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và ngành sữa nói riêng.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định .v.v. đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ.

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 - 2019



Nguồn: Tổng cục thống kê

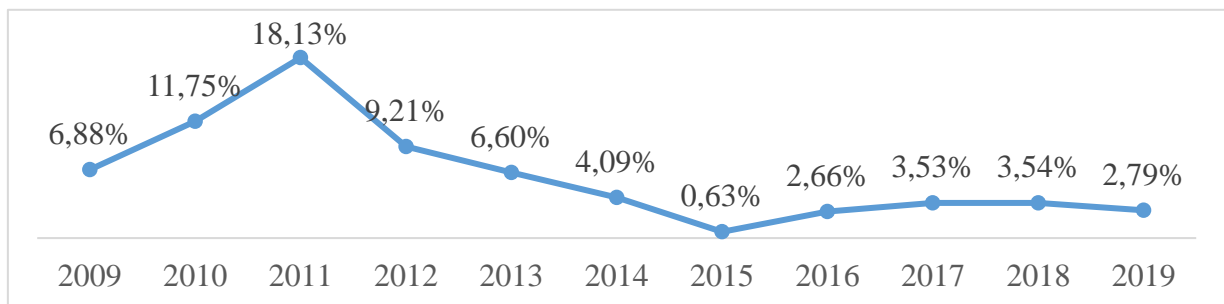
Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng trưởng lần lượt là 6,68% trong năm 2015; 6,1% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017. GDP năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%. Quốc hội đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2020 là mức 6,8%.

Những tháng đầu năm 2020, dịch COVID-19 do virus Corona gây ra đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. GDP 6 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81%, là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, doanh thu của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều do sản phẩm của Công ty là mặt hàng thiết yếu và không chịu nhiều tác động của dịch COVID-19.

1.2 Tình hình lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Giai đoạn 2016-2019, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô. Năm 2019, chỉ số lạm phát được kiểm soát dưới mức Quốc hội giao là 4% rất nhiều, với 2,79% - mức thấp nhất trong 3 năm qua. Tuy nhiên, lạm phát trong 6 tháng đầu năm 2020 lại tăng 4,19% so với cùng kỳ năm trước và khả năng kiềm chế lạm phát trong 06 tháng còn lại và các năm tới sẽ có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến chi phí đầu vào và lợi nhuận của Công ty.

1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay của doanh nghiệp đã trở nên bình ổn và tạo sức bật cho cả nền kinh tế hội nhập và phát triển toàn cầu. Lãi suất cho vay doanh nghiệp trung hạn trong năm 2018 và năm 2019 ở mức phổ biến 7 – 8%/năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Lãi suất thấp sẽ hỗ trợ cho Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

Tuy nhiên rủi ro về lãi suất đối với hoạt động sản xuất của MCM gần như không có vì Công ty không vay nợ ngân hàng tại thời điểm hiện tại.

1.4 Rủi ro về tỷ giá

Trong năm 2019, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, nhờ đó, giá trị đồng tiền Việt Nam đã có mức ổn định cao trong điều kiện nền kinh tế thế giới có nhiều biến động. Hoạt động của các doanh



nghiệp xuất nhập khẩu không bị ảnh hưởng nhiều do NHNN đã có những động thái can thiệp kịp thời bằng những tuyên bố sẽ bán ngoại tệ dự trữ để ổn định thị trường, giúp tâm lý người dân ổn định, không mạnh tay “đầu cơ” kiếm lời từ tỷ giá. Các yếu tố chính giúp duy trì tỷ giá là cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối phát huy được hiệu quả hạn chế hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ. Hơn nữa, nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào do vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng khả quan. Đặc biệt, hiện nay, chênh lệch giữa lãi suất VND và USD ở mức cao, dòng vốn ngoại tệ gửi ngân hàng vẫn nghiêng về nắm giữ VND.

Năm 2020, tỷ giá VND/USD dài hạn được dự đoán sẽ chỉ tăng nhẹ nhờ sự hỗ trợ của các yếu tố tích cực từ sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế và yếu tố hỗ trợ của NHNN điều tiết tỷ giá trung tâm ổn định. Cụ thể là chênh lệch lãi suất giữa VND và USD được nới rộng, dòng kiều hối và ngoại tệ từ các giao dịch hợp tác kinh doanh, bán vốn liên tục đổ về trong nước, giúp dự trữ ngoại hối đã đạt mức cao kỷ lục 73 tỷ USD và tính đến thời điểm này, NHNN đã mua ròng 6 tỷ USD. Việc sở hữu mức dự trữ ngoại hối dồi dào sẽ đảm bảo cho NHNN sử dụng một cách linh hoạt và hiệu quả các công cụ can thiệp trực tiếp, gián tiếp, nhằm điều chỉnh biến động tỷ giá hợp lý theo các mục tiêu chính sách đã đề ra. Do đó, xu hướng tỷ giá trong năm tới vẫn sẽ nằm trong biên độ cho phép, thậm chí sẽ là một trong những kênh giúp nền kinh tế tránh được các “cú sốc” do ảnh hưởng của diễn biến kinh tế thế giới.

Là doanh nghiệp không có nhiều hoạt động xuất nhập khẩu, rủi ro tỷ giá không ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của MCM.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách, đặc biệt là những điều chỉnh trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù (ngành, công ty, lĩnh vực hoạt động)

3.1. Rủi ro cạnh tranh trong ngành

Công ty đang phải chịu áp lực cạnh tranh rất lớn từ các công ty sữa trong ngành trong nước và các thương hiệu quốc tế. Đặc biệt là khi các hiệp định thương mại song phương và đa phương đã có hiệu lực hoặc có hiệu lực trong thời gian tới cũng sẽ làm cho các sản phẩm sữa nhập khẩu có giá thành thấp hơn và họ sẽ có lợi thế cạnh tranh lớn hơn. Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/08/2020, “làn sóng” sữa từ EU sẽ tràn vào Việt Nam gây ra một sức ép rất lớn cho các doanh nghiệp nội địa. Dù EU xóa bỏ toàn bộ thuế quan lên các sản phẩm sữa của Việt Nam,



nhưng các doanh nghiệp sữa của Việt Nam gần như không được hưởng lợi gì do EU vẫn chưa cấp phép nhập khẩu sữa có xuất xứ từ Việt Nam.

Quy mô của Công ty hiện nay cũng còn tương đối nhỏ nên áp lực về cạnh tranh sẽ rất lớn. Tuy nhiên, Công ty đã có kế hoạch đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu sữa tươi trong nước như đầu tư mới trang trại bò sữa công nghệ cao và đầu tư phát triển thương hiệu có hiệu quả để tạo sức mạnh và sức bật cho Công ty trong ngắn hạn và dài hạn.

3.2. Rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty là sữa tươi từ các trang trại bò sữa của Công ty và sữa tươi thu mua từ nông dân nuôi bò sữa. Do đó, rủi ro có thể phát sinh là chi phí của nguyên vật liệu đầu vào có thể tăng lên do biến động của yếu tố kinh tế và lạm phát nói chung hoặc do nguồn thu mua sữa tươi trong nước không đáp ứng kịp nhu cầu tăng trưởng của thị trường dẫn đến thiếu hụt nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất. Để giảm bớt các rủi ro này, Công ty đã có kế hoạch đầu tư mới trang trại bò sữa và hỗ trợ cho nông dân để phát triển đàn bò, nâng cao năng suất cho sữa và kiểm soát chi phí để hạ giá thành sữa. Đây luôn được xem là chiến lược dài hạn của Công ty.

3.3. Rủi ro về chất lượng sản phẩm

Sản phẩm sữa mang lại sức khỏe tốt cho người tiêu dùng. Do đó, chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn mà doanh nghiệp luôn duy trì và cam kết với trách nhiệm cao nhất cho người tiêu dùng. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm ở mức cao nhất, Công ty luôn sử dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến trên thế giới, áp dụng các quy trình sản xuất hiện đại và kiểm soát chất lượng chặt chẽ nhất. Công ty đã đạt được Chứng chỉ ISO 22000 về Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. Mục tiêu là giảm thiểu tối đa rủi ro về chất lượng sản phẩm có thể gặp phải.

3.4. Rủi ro về việc thay đổi xu hướng tiêu dùng

Thứ nhất, thị trường tăng tiêu thụ sữa thực vật. Được biết, sữa đậu nành và sữa lúa mạch được coi là lựa chọn thay thế tốt nhất cho sữa bò, nhờ hàm lượng protein cao. Theo Nielsen, tổng giá trị tiêu thụ sữa đậu nành có thương hiệu tăng 13% trong 10 tháng đầu và tăng trưởng doanh thu của Vinasoy đạt 15% sau 9 tháng đầu năm 2019.

Thứ hai, mức chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng nhanh của người tiêu dùng Việt Nam nói chung bắt đầu chững lại khi đã đáp ứng đủ các nhu cầu cơ bản. Thay vào đó, người tiêu dùng thường chuyển sang chi tiêu theo sở thích để thỏa mãn các nhu cầu cao hơn (như là ăn/uống bên ngoài) và chi tiêu cho các mặt hàng không thiết yếu nhằm mục đích chung là nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong khi nhu cầu sữa ở thị trường thành thị dường như đã bão hòa, tiêu thụ ở thị trường nông thôn lại biến động lớn do tăng phụ thuộc vào giá mặt hàng nông nghiệp, tùy vào mức thu nhập khả dụng tại thị trường này quyết định mức chi tiêu cho các sản phẩm tiêu dùng nhanh.

Đánh giá chung, SSI Research ước tính các xu hướng mang tính cấu trúc kể trên sẽ tiếp diễn, giúp tác động hơn nữa đến ngành sữa Việt Nam. Các sản phẩm tiêu thụ ngày càng tăng bao gồm sữa tươi, sữa chua (đặc biệt là sữa chua uống) và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như phô mai, trong khi nhu cầu về sữa công thức tiêu chuẩn và sữa đặc có thể tiếp tục ảm đạm.



Với các rủi ro trong việc thay đổi xu hướng tiêu dùng, ban lãnh đạo Công ty đã linh hoạt ứng phó, thực hiện nghiên cứu thị trường một cách bài bản và xây dựng các chiến lược đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng trong tương lai.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mọi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Giá cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy, thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán và việc quyết định thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu. Đợt chào bán được thực hiện trong giai đoạn thị trường đang có nhiều bất ổn do dịch CoVid-19 bùng phát trên quy mô toàn thế giới, ngành tiêu dùng bị ảnh hưởng. Nếu đợt chào bán không thực hiện thành công, kế hoạch huy động vốn cho các dự án có thể bị ảnh hưởng và tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua có nội dung về phương án xử lý cổ phần không phân phối hết là toàn bộ quyền mua của cổ đông hiện hữu mà không phân phối hết thì ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chào bán lại cho nhà đầu tư chiến lược theo giá chào bán quy định cho nhà đầu tư chiến lược.

Do đó, rủi ro của đợt chào bán được đánh giá là không lớn đối với Công ty.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro có thể đến từ việc các dự án đầu tư bằng tiền thu được từ đợt phát hành này không đem lại hiệu quả do các nguyên nhân chính như sau:

- Thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra trong quá trình làm dự án hoặc sau khi dự án đi vào hoạt động dẫn đến không đạt sản lượng và chất lượng sản phẩm của các dự án;
- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 có thể còn kéo dài tác động đến thu nhập của người dân bị giảm và từ đó làm giảm nhu cầu tiêu dùng. Dự án sẽ có rủi ro không đạt được kết quả kinh doanh như đã tính toán.

Đứng trước các thách thức này, ban lãnh đạo của Công ty đã xây dựng kế hoạch dự án một cách thận trọng và đã tính đến các yếu tố khách quan có thể tác động đến quá trình thực hiện các dự án này. Với đội ngũ Ban lãnh đạo tâm huyết và nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, đặc biệt là các dự án này là mở rộng quy mô trên cơ sở là các dự án mà MCM đã thực hiện thành công hiện nay và các dự án này cũng tương tự như các dự án của Vinamilk đã và đang thành công lớn nên các rủi ro liên quan đến các dự án trên của MCM sẽ được giảm thiểu 1 cách tối đa. Với mạng lưới bán hàng rộng khắp cả nước, được sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và Công ty Cổ phần GTNFoods, cộng với tiềm lực vững chắc về tài chính của MCM, những rủi ro về đầu ra sản phẩm và cơ cấu tài chính của dự án sẽ được hạn chế một cách tốt nhất.



5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt phát hành lần này, ngoài việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Công ty còn phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược và phát hành cổ phiếu ESOP với tổng số lượng phát hành là 43.200.000 cổ phiếu, tương ứng 64,67% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

P_{t-1} là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

I là tỷ lệ vốn tăng

PR là giá sẽ bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_{t-1} .

- Nếu $P_{t-1} = PR = 25.000$ đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng $P = P_{t-1} = 25.000$ đồng/cổ phiếu.
- Nếu $P_{t-1} < PR$, thì $P_{t-1} < P$ và P_{t-1} càng thấp thì khoảng cách $P - P_{t-1}$ càng cao.
- Nếu $P_{t-1} > PR$ thì $P_{t-1} > P$ và P_{t-1} càng cao thì khoảng cách $P_{t-1} - P$ càng cao. Với mỗi giá P_{t-1} cụ thể ta sẽ có giá P tương ứng.

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng 64,67% so với cổ phiếu đang lưu hành, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh.

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

5.2 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành – cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm. Tuy



nhiên rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần tại đợt chào bán này là thấp vì giá chào bán cho cổ đông hiện hữu cao gấp 02 lần mệnh giá và giá chào bán cho nhà đầu tư chiến lược cao gấp 03 lần mệnh giá.

5.3 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đối với các cổ đông từ chối quyền mua và/hoặc không được chào bán cổ phiếu riêng lẻ, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống. Với phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các cổ đông đã đánh giá được rủi ro pha loãng này.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu cần tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

- Bà Mai Kiều Liên Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Hải Nam Chức vụ: Tổng giám đốc
- Ông Lê Huy Bích Chức vụ: Giám đốc Tài chính
- Ông Nguyễn Anh Tú Chức vụ: Quyền Kế toán trưởng
- Ông Trần Ngọc Duy Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Giám đốc Khối – Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

(Giấy ủy quyền số 08/2019/UQ-SSI ngày 03/06/2019 kí bởi ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH 12 ngày 24/11/2010, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty/MCM : Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
- SSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- Giấy CNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ESOP : Chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- CĐ : Cổ đông
- ĐVT : Đơn vị tính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- HĐ : Hợp đồng
- CBTT : Công bố thông tin



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU
- Tên tiếng Anh: MOCCHAU DAIRY CATTLE BREEDING JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam.
- Điện thoại: 02123866065 – 02123869848 ; Fax: 02123866184
- Website: www.mcmilk.com.vn
- Email: mocchaumilk@mcmilk.com.vn
- Giấy CNĐKDN: số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 28/02/2020
- Tài khoản mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – huyện Mộc Châu
- Số tài khoản: 7902211000001
- Vốn điều lệ: 668.000.000.000 VND (Sáu trăm sáu mươi tám tỷ đồng)
- Ngày trở thành công ty đại chúng: tháng 9 năm 2008 (căn cứ vào hồ sơ đăng ký trở thành công ty đại chúng của MCM).
- Ngành nghề kinh doanh chính:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050 (Chính)
2	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. <i>Chi tiết: Chế biến thức ăn gia súc.</i>	1080
3	Trồng cây chè	0127
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. <i>Chi tiết: Bán buôn thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi</i>	4620
5	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ. <i>Chi tiết: Bán lẻ sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt.</i>	4781
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: (Trừ bán buôn phải có chứng chỉ hành nghề)</i> <ul style="list-style-type: none">- Bán buôn thuốc thú y.- Bán buôn hóa chất tẩy rửa máy móc.	4669
7	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ. <i>Chi tiết: Sản xuất phân vi sinh</i>	2012
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ.</i>	5510



9	Bán buôn thực phẩm. <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt. - Thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.	4632
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.	4653
11	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò. <i>Chi tiết:</i> - Chăn nuôi bò sữa, bò thịt. - Chọn lọc, nhân giống và phát triển đàn bò sữa quốc gia. - Sản xuất và cung ứng giống bò.	0141
12	Kinh doanh, xuất nhập khẩu con giống, vật tư, nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi, thiết bị và phụ tùng máy móc, hương liệu, các sản phẩm từ sữa, bao bì phục vụ chăn nuôi và chế biến. Kinh doanh cân điện tử.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Công ty CP giống bò sữa tiền thân là Nông trường Quốc doanh Mộc Châu được thành lập ngày 8/4/1958, do các chiến sỹ Trung đoàn 280 - Sư đoàn 335 bộ đội tình nguyện Việt Nam tại nước bạn Lào sau khi hoàn thành nhiệm vụ quốc tế, được lệnh chuyển sang làm kinh tế tại Thảo nguyên Mộc Châu.
- Năm 1976 Nông trường Quốc doanh Mộc Châu chuyển thành Xí nghiệp liên hợp Mộc Châu.
- Năm 1987, Xí nghiệp liên hợp Mộc Châu giải thể chia tách ra thành các Nông trường, Xí nghiệp hoạt động độc lập.
- Tháng 1/2005 Công ty tiến hành cổ phần hóa đổi tên thành Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu với hình thức Nhà nước sở hữu 51% giá trị Công ty.
- Ngày 28/6/2016, Nhà nước đã thoái vốn bán hết toàn bộ cổ phần Nhà nước tại Công ty.

Một số giải thưởng chính công ty đã đạt được:

- Huân chương lao động hạng III năm 2012
- Huân chương lao động hạng II năm 2016
- Giải thưởng bông lúa vàng 2012, 2015
- Hàng năm các sản phẩm của công ty được tôn vinh hàng Việt Nam chất lượng cao.

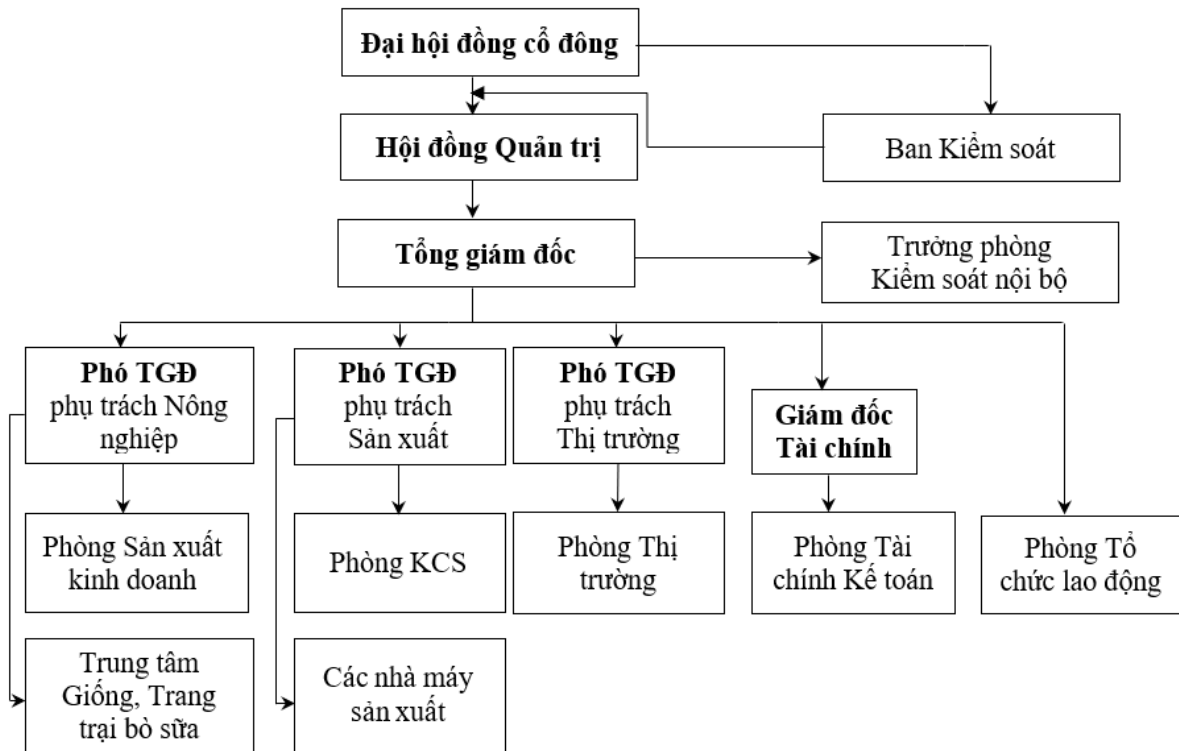
2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ-con trong đó công ty mẹ của MCM là Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam – CTCP chiếm 51% vốn góp của MCM. MCM không có công ty con và công ty liên kết.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.1. Đại Hội đồng cổ đông (ĐHDCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua bổ sung, sửa đổi Điều lệ.
- Thông qua định hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và báo cáo của Hội đồng quản trị.
- Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho các cổ đông;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ và luật doanh nghiệp.



3.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Công ty;
- Hoàn thiện và ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; giá chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; quyết định phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền;
- Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|-------------------|---|
| - Mai Kiều Liên | Chủ tịch HĐQT |
| - Trịnh Quốc Dũng | Thành viên HĐQT |
| - Phan Minh Tiên | Thành viên HĐQT |
| - Phạm Hải Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| - Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc nhà máy sữa |



3.3. Ban Kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- Trần Ngọc Duy Trưởng ban kiểm soát
- Trịnh Công Sơn Thành viên BKS
- Phạm Quang Thùy Thành viên BKS

3.4. Ban Tổng Giám đốc (TGD)

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty;
- Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;



- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

- Phạm Hải Nam Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Nguyễn Sỹ Quang Phó Tổng giám đốc
- Trần Mạnh Thắng Phó Tổng giám đốc
- Phạm Tuyên Phó Tổng giám đốc

3.5. Phòng sản xuất kinh doanh

Công tác quản lý ngành nông nghiệp.

- Tham mưu và giúp việc cho Tổng giám đốc về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thụ tinh nhân tạo, quản lý hợp đồng.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành chăn nuôi mang lại hiệu quả cao.
- Tiếp cận các tiêu chuẩn kỹ thuật mới về thú ý, chăn nuôi, giống, trồng trọt, đồng cỏ, an toàn vệ sinh sinh học và chất lượng hàng hóa sản phẩm.
- Triển khai và hỗ trợ việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật mới đến các Đơn vị trực thuộc, hộ dân.
- Tổng hợp và phân tích hoạt động từ báo cáo, số liệu hoạt động chuyên môn về thú ý, chăn nuôi, giống, trồng trọt, đồng cỏ và chất lượng hệ thống.
- Quản lý hợp đồng sản xuất của các hộ về đàn bò, đất đai, sữa tươi nguyên liệu.
- Quản lý ngành kỹ thuật chăn nuôi thú y, thụ tinh nhân tạo. Chịu trách nhiệm về công tác An toàn dịch bệnh, An toàn thực phẩm.
- Chủ trì cùng Nhà máy sữa, Ban KCS kiểm tra sản xuất các hộ về An toàn dịch bệnh, An toàn thực phẩm, Xử lý chất thải
- Cập nhật các quy định nhà nước về quản lý chăn nuôi bò sữa, xây dựng các kế hoạch hành động và triển khai thực hiện để đảm bảo tính tuân thủ các quy định.

Công tác vật tư và xuất hóa đơn bán hàng

- Chịu trách nhiệm cung ứng vật tư sản xuất cho các nhà máy, phòng ban, đơn vị.
- Xây dựng chiến lược và chính sách liên quan đến các hoạt động mua hàng (bao gồm chính sách NVL, chính sách giá, tồn kho, v.v...) trong toàn Công ty đảm bảo đáp ứng việc cung ứng nguyên vật liệu, hàng hóa theo mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Lựa chọn, đánh giá, duy trì hợp đồng và quản lý nhà cung cấp của Công ty.
- Thực hiện đặt hàng, đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo kế hoạch và kịp thời cho những thay đổi (mùa vụ, dịch chuyên hoặc tăng giảm năng lực sản xuất).



- Xác định, đánh giá và tận dụng những cơ hội có thể giảm chi phí thu mua bằng cách cải tiến mô hình thu mua và các kênh cung ứng.
- Chịu trách nhiệm về xây dựng kế hoạch sản xuất để đảm bảo đáp ứng hàng hóa cho thị trường theo kế hoạch tiêu thụ nội địa, gia công và xuất khẩu cho Công ty.
- Hoạch định chính sách nhà cung cấp; tổ chức công tác lựa chọn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp.
- Cung ứng các vật tư, tổ chức các dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi thú y cho các hộ chăn nuôi.

3.6. Trung Tâm giống, trang trại bò sữa

- Chăn nuôi và phát triển đàn bò hạt nhân cao sản, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến vào sản xuất và chuyển giao công nghệ, đào tạo kỹ thuật chăn nuôi.
- Tổ chức sản xuất, trồng cỏ và thu hoạch cỏ, cây thức ăn theo mùa vụ; chăm sóc nuôi dưỡng tốt đàn bò bê.
- Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến vào sản xuất.
- Tạo đàn hạt nhân cao sản, nhân giống tạo ra những con giống có ngoại hình đẹp, có năng suất sản lượng, chất lượng sữa cao.
- Quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản: cơ sở hạ tầng, chuồng trại, máy móc thiết bị, trang thiết bị về các vấn đề sử dụng, bảo trì bảo dưỡng, tiêu hao năng lượng, hiệu suất sử dụng. Chịu trách nhiệm về an toàn lao động; an toàn vệ sinh thực phẩm; các quy định về môi trường; phòng chống cháy nổ và phòng cháy chữa cháy tại Trung tâm, tại trang trại bò sữa.
- Triển khai và kiểm soát việc thực hiện chăn nuôi theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

3.7. Phòng KCS

- Hỗ trợ các đơn vị thực hiện và duy trì sự phù hợp của hệ thống quản lý chất lượng (ISO, VietGAP, HACCP...)
- Kiểm soát, đánh giá chất lượng các nguồn cung cấp nguyên liệu, các Nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi bò sữa cho hộ chăn nuôi và các trang trại nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm trong chuỗi sản xuất sữa của Mocchaumilk.
- Quản lý và duy trì danh mục sản phẩm đã được sản xuất và kinh doanh trên thị trường.
- Thực hiện công bố sản phẩm đảm bảo cho việc lưu hành của sản phẩm trên thị trường theo luật định
- Quản lý và thiết lập YCKT nguyên vật liệu, sản phẩm cho hoạt động kiểm tra chất lượng và phối hợp với nhà máy trong việc sản xuất sản phẩm mới và ổn định chất lượng sản phẩm
- Quản lý thông tin thiết kế nhãn / bao bì sản phẩm
- Thiết lập, quản lý, giám sát thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng và các công việc khác liên quan đến bảo đảm chất lượng.
- Bảo đảm chất lượng thành phẩm đạt tiêu chuẩn đề ra cũng như tuân thủ theo công bố chất lượng của sản phẩm thông qua việc kiểm soát chất lượng từ nguyên liệu đến thành phẩm.
- Công bố chất lượng các sản phẩm sản xuất và công bố hợp quy các sản phẩm theo quy định của pháp luật.
- Kiểm tra báo cáo xử lý khiếu nại khách hàng liên quan đến chất lượng sản phẩm.
- Kiểm nghiệm các sản phẩm theo yêu cầu, mẫu nước cấp, nước thải bên ngoài theo định kỳ và quản lý giấy phép khai thác nước ngầm, giấy phép xả thải ra môi trường.



3.8. Nhà máy sản xuất của Công ty

Công ty có nhà máy sản xuất sữa và nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi:

Nhà máy sản xuất sữa:

- Tổ chức sản xuất và kiểm soát định mức các sản phẩm theo kế hoạch Công ty giao; đảm bảo số lượng, chất lượng và thời gian quy định.
- Quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản: cơ sở hạ tầng, nhà xưởng kho tàng, máy móc thiết bị, trang thiết bị về các vấn đề sử dụng, bảo trì bảo dưỡng, tiêu hao năng lượng, hiệu suất sử dụng ... Chịu trách nhiệm về an toàn lao động; an toàn thực phẩm; các quy định về môi trường; phòng chống cháy nổ và phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy.
- Triển khai và kiểm soát việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty áp dụng.
- Đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà máy, thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ.
- Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất.
- Tham gia đầy đủ và có hiệu quả các phong trào thi đua, chương trình tiết kiệm, chương trình sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi

- Tổ chức sản xuất thức ăn tổng hợp TMR, thức ăn tinh đảm bảo chất lượng, số lượng cung cấp cho Trung tâm Giống, trang trại bò sữa của Công ty và cung cấp cho các hộ chăn nuôi theo nhu cầu.
- Tổ chức sản xuất và kiểm soát định mức các sản phẩm theo kế hoạch Công ty giao; đảm bảo số lượng, chất lượng và thời gian quy định.
- Quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản: cơ sở hạ tầng, nhà xưởng kho tàng, máy móc thiết bị, trang thiết bị về các vấn đề sử dụng, bảo trì bảo dưỡng, tiêu hao năng lượng, hiệu suất sử dụng ... Chịu trách nhiệm về an toàn lao động; an toàn thực phẩm; các quy định về môi trường; phòng chống cháy nổ và phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy.
- Triển khai và kiểm soát việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty áp dụng.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản toàn bộ tài sản, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, tiền vốn và lao động một cách có hiệu quả và tiết kiệm, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất theo kế hoạch được giao.
- Định kỳ kiểm soát, đánh giá chất lượng thức ăn, tổng hợp ý kiến phản ánh của các hộ về chất lượng và dịch vụ.
- Đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà máy, thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ.
- Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất.
- Tham gia đầy đủ và có hiệu quả các phong trào thi đua, chương trình tiết kiệm, chương trình sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.



3.9. Phòng Thị trường

Lĩnh vực marketing:

- Bộ phận Marketing có trách nhiệm hoạch định, phát triển và thực hiện các chiến lược, kế hoạch marketing cho toàn Công ty.
- Hoạch định và xây dựng chiến lược marketing cho từng nhãn hiệu, phù hợp với chiến lược kinh doanh chung của toàn Công ty, bao gồm xây dựng cấu trúc thương hiệu, định vị phân khúc thị trường, định hướng phát triển sản phẩm, chiến lược giá, khuyến mại.
- Xây dựng các chương trình, các chiến dịch marketing
- Trên cơ sở xác định nhu cầu thị trường, đề xuất và phối hợp với Ban phát triển sản phẩm mới trong việc phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm mới.
- Phối hợp và đề xuất với Pháp chế, Ban KCS trong việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa tại thị trường trong nước và nước ngoài.
- Lập ngân sách, và quản lý việc sử dụng ngân sách marketing hiệu quả cho các hoạt động marketing.
- Thực hiện thu thập các thông tin nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu, theo dõi các hoạt động của đối thủ cạnh tranh, nhằm phân tích tình hình thị trường.
- Phối hợp với các bộ phận để triển khai các chiến dịch truyền thông, xây dựng thương hiệu, hình ảnh sản phẩm của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Khối Kinh Doanh có trách nhiệm hoạch định chiến lược kinh doanh, xây dựng và thực thi kế hoạch kinh doanh;
- Tổ chức, xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, xây dựng chiến lược và kế hoạch chăm sóc, phát triển hệ thống khách hàng trong thị trường nội địa nhằm đảm bảo về các kế hoạch về doanh số, sản lượng, thị phần và lợi nhuận của Công ty trong từng thời kỳ.

3.10. Phòng Tài chính Kế toán

- Phòng Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm quản lý nguồn vốn tài chính của Công ty, quản lý ngân sách, thực hiện công tác kế toán và công tác thuế theo quy định hiện hành.
- Tổ chức, xây dựng hệ thống kế toán cho toàn Công ty.
- Quản lý về mặt chuyên môn của các bộ phận kế toán ở đơn vị trực thuộc.
- Thực hiện hạch toán kế toán theo quy định của Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các văn bản hướng dẫn quy định của Nhà nước Việt Nam hoặc theo chuẩn mực kế toán quốc tế.
- Thiết lập và ban hành các quy định, quy trình nghiệp vụ về hạch toán kế toán áp dụng trên toàn Công ty.
- Thực hiện lập và trình bày báo cáo tài chính toàn Công ty.
- Đăng ký, kê khai, quyết toán các loại thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.
- Khai báo thuế xuất, nhập khẩu cho toàn bộ hàng hóa xuất nhập khẩu, máy móc thiết bị, vật tư theo các quy định, pháp luật hiện hành.
- Thiết lập và ban hành quy định về lập và quản lý ngân sách Công ty
- Chủ trì việc lập kế hoạch ngân sách năm toàn Công ty



- Thực hiện tổng hợp kế hoạch ngân sách năm và theo dõi thực hiện ngân sách năm của Công ty.
- Thực hiện công tác kế toán quản trị chi phí liên quan đến giá thành sản xuất
- Thiết lập và ban hành quy định về tài chính và nguồn vốn của Công ty.
- Lập kế hoạch dự báo dòng tiền hàng năm của Công ty.
- Thực hiện phân tích, đánh giá và theo dõi tình hình sử dụng vốn lưu động
- Thực hiện phân tích và đề xuất các phương án trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông
- Thực hiện phân tích và đề xuất các phương án huy động (vay, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, đáp ứng nhu cầu về vốn ngắn, và dài hạn cho sự phát triển của Công ty
- Thực hiện các thủ tục nhận thu hồi vốn góp, nhận cổ tức, nhận phần lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty có tham gia đầu tư.
- Đánh giá hiệu quả tài chính. Thực hiện toàn bộ các hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR)
- Người công bố thông tin duyệt đến UBCKNN, HOSE, VSD, bộ phận quản lý trang web của Công ty để công bố kịp thời theo qui định.
- Phụ trách toàn bộ công tác Quan hệ nhà đầu tư và quản lý cổ đông chưa lưu ký.
- Thực hiện các thủ tục theo qui định với UBCKNN, Sở giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán liên quan đến việc trả cổ tức, phát hành cổ phiếu, giao dịch cổ phiếu quỹ, tổ chức đại hội đồng cổ đông.

3.11. Phòng Tổ chức Lao động:

Phòng Tổ chức Lao động chịu trách nhiệm trong việc quản lý nguồn nhân lực của toàn Công ty; Thực hiện các chế độ cho CBCN và người lao động; truyền thông nội bộ; pháp chế; quản lý các hoạt động hành chính tổng hợp, công tác văn thư, công tác bảo vệ an ninh trật tự, dân quân tự vệ, phòng chống cháy nổ của Công ty, công tác y tế, công tác an toàn lao động.

Công tác Nhân sự:

- Quản lý nguồn nhân lực và điều hành các hoạt động về nhân sự của toàn Công ty.
- Phối hợp với các bộ phận trong Công ty để thiết lập và đề ra các kế hoạch và chiến lược để phát triển nguồn nhân lực.
- Xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo; điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá năng lực nhân viên, chế độ lương - khen thưởng - phúc lợi.
- Thực hiện các chương trình phát triển đội ngũ nhằm tạo dựng nguồn nhân lực tài năng để đáp ứng các yêu cầu chiến lược của Công ty.
- Tư vấn cho Ban Điều hành các hoạt động nhân sự để xây dựng văn hóa Công ty đồng thời tạo ra môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp.
- Xây dựng nội quy, thỏa ước lao động tập thể, chính sách về nhân sự cho toàn Công ty.
- Tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy chế, chính sách về nhân sự phù hợp với thực tế của Công ty và với quy định, chế độ hiện hành của Nhà nước.
- Chịu trách nhiệm thỏa thuận, soạn lập và ký kết hợp đồng với người lao động.



- Thực hiện việc tính toán các khoản lương và thu nhập của nhân viên, thực hiện thanh quyết toán thuế thu nhập cá nhân và các khoản khấu trừ khác theo quy định của các chính sách thuế và quy định hiện hành.
- Theo dõi công tác thu nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN và quyết toán với Cơ quan BHXH. Quản lý, chi nộp, hoàn trả các khoản đã khấu trừ của người lao động: thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp... và các khoản khác theo đúng quy định.

Công tác Hành chính quản trị:

- Phục vụ hội nghị, tiếp khách; chuẩn bị công tác hành chính trong các ngày lễ, ngày tết, hội nghị theo yêu cầu của công ty;
- Thực hiện và tổng hợp công tác thi đua khen thưởng của công ty theo quy định;
- Theo dõi công tác chăm sóc sức khỏe và định kỳ hàng năm tổ chức khám sức khỏe cho CBCN – người lao động;
- Xây dựng kế hoạch và cấp phát bảo hộ lao động đúng quy định của công ty.
- Quản lý và thực hiện công tác dân quân tự vệ, công tác bảo vệ an ninh trật tự, công tác phòng cháy chữa cháy tại văn phòng Công ty và các Nhà máy
- Quản lý, sử dụng con dấu của công ty theo đúng quy định của pháp luật;

Công tác truyền thông nội bộ:

- Xây dựng các chương trình, hoạt động nội bộ và truyền thông các giá trị văn hóa, thông điệp lãnh đạo, định hướng và chính sách của Công ty đến nhân viên.
- Phối hợp với các Phòng ban liên quan để cùng xây dựng và triển khai các hoạt động về văn hóa doanh nghiệp, nguyên tắc ứng xử, hành vi trong tổ chức.
- Tổ chức các hoạt động phong trào, sự kiện nhằm gia tăng sức mạnh đoàn kết nội bộ, nâng cao thương hiệu về môi trường làm việc.

Bộ phận pháp chế:

- Tổ chức thực hiện và cung cấp tư vấn, hỗ trợ pháp lý liên quan đến tất cả các hoạt động của Công ty và đơn vị trực thuộc.
- Tổ chức việc soạn lập, soát xét hợp đồng, thỏa thuận, văn bản giao dịch của Công ty.
- Thực hiện, quản lý việc thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đầu tư, giấy phép hoạt động của Công ty và đơn vị trực thuộc.
- Cập nhật quy định pháp luật mới, đưa ra ý kiến, phân tích pháp lý đối với các văn bản pháp luật mới có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
- Tham gia cung cấp các số liệu và/hoặc đánh giá rủi ro tuân thủ cho mục đích quản lý rủi ro tuân thủ của Công ty.
- Tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phân quyền, chính sách, quy chế, quy định, thủ tục, hợp đồng và cam kết mẫu...phù hợp với đặc điểm và hoạt động của Công ty.
- Đảm bảo các vấn đề pháp lý cho Công ty liên quan đến cơ chế ủy quyền, các vấn đề pháp lý trong hợp đồng/thỏa thuận/ cam kết và quản lý các nghĩa vụ cam kết trách nhiệm của Công ty. Thực hiện việc quản lý các ủy quyền, cam kết trách nhiệm.
- Thực hiện quản lý, đăng ký quyền sở hữu cho các tài sản sở hữu trí tuệ. Thực hiện đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty và quản lý giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.



4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài: số lượng và tỷ lệ nắm giữ);**

Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/11/2020 thì cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu như sau:

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

Bảng 1. Danh sách cổ đông lớn của Công ty

Stt	Tên	Nơi đăng ký địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết
1	Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam – CTCP	519 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	34.068.164	340.681.640.000	51%

Bảng 2. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

Stt	Tên	CMND/CCCD	Chức vụ/Quan hệ	Địa chỉ
1.1	Bà Mai Kiều Liên	001153002818	Chủ tịch HĐQT	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
1.2	Ông Trịnh Quốc Dũng	042062000192	Thành viên HĐQT	Căn hộ 1002, Tháp Sapphire 1, Saigon Pearl, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
1.3	Ông Trần Chí Sơn	086075000013	Thành viên HĐQT	351/31 Nơ Trang Long, P.13, Bình Thạnh
1.4	Ông Phạm Tuyên	001068015685	Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật	32 Nguyễn Khuyến- P.Văn Miếu- Q. Đống Đa- TPHN
1.5	Ông Lê Huy Bích	173070663	Giám đốc tài chính, người được ủy quyền CBTT	Chung cư Mỹ Phú, 60/68 Lâm Văn Bền, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
1.6	Bà Hà Thị Diệu Thu	038189010436	Trưởng ban kiểm soát	BB3A.09, Chung cư New City, 17 Mai Chí Thọ, P. Bình Khánh, Quận 2, TPHCM
1.7	Ông Trịnh Công Sơn	272069774	Thành viên BKS	88/440, khu phố 1, p. Tân Mai, Q. Biên Hòa, Đồng Nai
1.8	Ông Trịnh Công Tuyến	B9876821	Thành viên BKS	Chung cư Jamona City, Đường Đào Trí. Quận 7, HCM

Nguồn: Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam – CTCP



4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Không có

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 10/11/2020

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ % / VĐL thực góp
I. Cổ đông trong nước	527	66.790.000	99,98%
- Cổ đông tổ chức	5	37.989.153	56,87%
- Cổ đông cá nhân	522	28.800.847	43,11%
II. Cổ đông nước ngoài	2	10.000	0,02%
- Cổ đông tổ chức	-	-	-
- Cổ đông cá nhân	2	10.000	0,02%
III. Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng	529	66.800.000	100%

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ của tổ chức phát hành: Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“VLC”)

- Địa chỉ: 519 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104443, cấp lần đầu ngày 30/6/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 29/10/2020.
- Vốn điều lệ: 631.010.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ: 34.068.164 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ của tổ chức phát hành.
- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của VLC là sản xuất chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi

MCM không có công ty con và/hoặc công ty liên kết.

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 08 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án trong đó có 03 đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu và 05 đợt phát hành cổ phiếu thưởng. Các đợt chào bán và phát hành cổ phiếu



thường được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và báo cáo mục đích sử dụng vốn tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định.

Bảng 4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Lần	Thời điểm tăng vốn	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 03/2007	10.000.700	17.100.700	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 24/03/2007; - GCNĐKKD số 2403000046 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 30/07/2007
2	Tháng 11/2008	17.000.000	34.100.700	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 186NQ/GBS/2008 ngày 01/09/2008; - GCNĐKKD số 5500154060 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 03/11/2008
3	Tháng 04/2010	34.100.700	68.201.400	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 274NQ/GBS/2009 ngày 21/12/2009; - GCNĐKKD số 5500154060 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 28/04/2010
4	Tháng 07/2011	100.259.060	168.460.460	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 110NQĐ/GBS/2011; - GCNĐKKD số 5500154060 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 04/07/2011
5	Tháng 08/2012	100.000.000	268.460.460	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 133QĐ/GBS/2012 ngày 26/07/2012; - GCNĐKKD số 5500154060 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 03/08/2012.
6	Tháng 09/2013	100.000.000	368.460.460	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 62NQ/CPGBS/2013 ngày 06/04/2013; - GCNĐKKD số 5500154060 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 15/09/2013
7	Tháng 11/2015	200.000.000	568.460.460	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 206/NQĐCĐ/GBS/2015 ngày 26/10/2015; - GCNĐKKD số 5500154060 đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 06/11/2015
8	Tháng 09/2019	99.539.540	668.000.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 115/NQ/ĐHĐCĐ/2019 ngày 30/06/2019;



Lần	Thời điểm tăng vốn	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Cơ sở pháp lý
				- GCNĐKKD số 5500154060 đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 16/09/2019

Các đợt tăng vốn của Công ty đã được báo cáo với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La theo đúng quy định. Tuy nhiên Công ty chưa làm các thủ tục xin chấp thuận từ UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán đối với công ty đại chúng cho 07 đợt tăng vốn từ tháng 11/2008 đến tháng 09/2019 như đã trình bày nêu trên. Ngày 20/10/2020, UBCKNN đã ra Quyết định số 678/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu với mức phạt là 545 triệu đồng bao gồm các hành vi vi phạm như sau

- Báo cáo không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật đối với: Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán; Báo cáo thường niên năm 2018; Nghị quyết, Biên bản và tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
- Công ty chưa đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán theo quy định.
- Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu vào năm 2019 nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo quy định của Điều 6 Luật Xử lý Vi phạm Hành chính số 15/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 20/06/2012, thời hạn xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán là 2 năm kể từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Do vậy các đợt chào bán của MCM đã thực hiện từ năm 2015 trở về trước đã hết thời hiệu xử lý vi phạm tại thời điểm hiện tại.

Ngày 21/10/2020 Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt với UBCKNN.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu có trụ sở chính tại cao nguyên Mộc Châu, tỉnh Sơn La và hoạt động chính trong lĩnh vực chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Với lợi thế về khí hậu, thổ nhưỡng lý tưởng của cao nguyên Mộc Châu tỉnh Sơn La, MCM hiện sở hữu đàn bò sữa hơn 2.000 con tại trang trại và 24.500 con thông qua việc liên kết chặt chẽ với hơn 500 hộ nông dân chăn nuôi bò sữa và có ba trung tâm giống bò sữa lớn. Quy mô đàn bò của Mộc Châu Milk tăng trưởng trung bình 12 – 15 %/năm và năng suất bình quân đạt trên 25 lít sữa/con/ngày.

Hoạt động sản xuất chính của Công ty bao gồm: (i) Chế biến sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa; (ii) Chế biến thức ăn chăn nuôi và (iii) các sản phẩm, dịch vụ khác.



Bảng 5. Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Sản phẩm/dịch vụ	Năm 2018			Năm 2019			06 tháng đầu năm 2020		
		Sản lượng	Doanh thu thuần		Sản lượng	Doanh thu thuần		Sản lượng	Doanh thu thuần	
		Tấn	Giá trị	Tỷ trọng	Tấn	Giá trị	Tỷ trọng	Tấn	Giá trị	Tỷ trọng
1	Sản phẩm sữa	62.139	2.116.478	85,3%	64.530	2.210.532	86,4%	41.151	1.195.723	87,5%
2	Sản phẩm thức ăn chăn nuôi	42.915	317.469	12,8%	41.324	305.287	11,9%	20.215	151.009	11,0%
3	Sản phẩm, dịch vụ khác	-	47.751	1,9%	-	42.601	1,7%	-	20.170	1,5%
	Tổng cộng		2.481.697	100%		2.558.420	100%		1.336.903	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC soát xét 06 tháng năm 2020 – MCM

- (i). Nhóm các sản phẩm sữa gồm: Sữa tươi tiệt trùng; Sữa chua uống; Sữa chua ăn; Sữa thanh trùng; Sữa bánh; Sữa đặc; Cream; Bơ; Phomat. Các sản phẩm sữa là các sản phẩm chủ lực đóng góp doanh thu chính cho Công ty, với tỷ trọng tương ứng 85% doanh thu trong năm 2018 và 86% trong năm 2019. Hiện nay Công ty đang chế biến và phân phối 16 sản phẩm sữa các loại.



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU



- Các sản phẩm khác từ sữa: bánh sữa, váng sữa và bơ tươi nguyên chất.



- (ii). Nhóm các sản phẩm chế biến thức ăn chăn nuôi gồm: Bột bê; bột viên bò sữa; bột hỗn hợp, bột viên bò hậu bị; Sản phẩm TMR cho bò sữa.
Các sản phẩm chế biến thức ăn chăn nuôi chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, trên dưới 12% trên tổng doanh thu của MCM trong các năm 2018 và 2019.
- (iii). Nhóm sản phẩm, dịch vụ khác gồm: Sản xuất, cung ứng giống bò; Dịch vụ phối giống; Dịch vụ kiot...

Bảng 6. Lợi nhuận gộp và % biên gộp theo lĩnh vực kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		06 tháng năm 2020	
		Lợi nhuận gộp	% biên gộp	Lợi nhuận gộp	% biên gộp	Lợi nhuận gộp	% biên gộp
1	Sản phẩm sữa	451.882,00	21,35%	458.850,00	20,76%	378.787	31,68%
2	Sản phẩm thức ăn chăn nuôi	17.032,00	5,36%	24.083,00	7,89%	14.328	9,49%
3	Sản phẩm, dịch vụ khác	(2.217,00)	-4,64%	3.572,00	8,38%	1.983	9,83%
	Tổng cộng	466.697,00	18,81%	486.505,00	19,02%	395.098	28,90%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và năm 2019; BCTC soát xét năm 2020 – MCM

Biên lợi nhuận gộp của Công ty được cải thiện qua các năm, đạt 18,81% năm 2018, tăng lên 19,02% năm 2019 và đạt 28,9% trong 06 tháng đầu năm 2020. Các sản phẩm sữa là mảng kinh doanh đem lại lãi gộp lớn nhất cho MCM, đạt mức cao nhất 31,68% từ 2018 trở lại đây.



7.2. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần của MCM qua các năm như sau:

Bảng 7. Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị tính: triệu VND

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		06 tháng năm 2020	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
I	Doanh thu thuần	2.481.697		2.558.419		1.366.903	
II	Tổng chi phí	2.319.245	93,45%	2.417.047	94,47%	1.265.642	92,59%
1	Giá vốn hàng bán	2.015.000	81,19%	2.071.913	80,98%	971.804	71,10%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.557	1,07%	23.346	0,91%	12.030	0,88%
3	Chi phí bán hàng	277.688	11,19%	321.788	12,58%	281.808	20,62%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và năm 2019; BCTC soát xét năm 2020 – MCM

Tỷ trọng chi phí/ doanh thu thuần của MCM trong 03 năm qua luôn dao động quanh 93%, trong đó mức cao nhất vào năm 2019 đạt 94,47%. Sang 06 tháng đầu năm 2020, nhờ các biện pháp quản lý chi phí, tỷ trọng có xu hướng giảm xuống và còn 92,59%. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí của Công ty và có xu hướng giảm dần qua các năm, chiếm 81,91% tổng chi phí năm 2018, giảm nhẹ 80,98% trong năm 2019 và giảm mạnh về mức 71,10% trong 06 tháng đầu năm 2020.

7.3. Hoạt động Marketing

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu có tiền thân là Nông trường Mộc Châu, ra đời từ năm 1958. Sau hơn 62 năm hình thành và phát triển, Mộc Châu Milk đã trở thành thương hiệu được người tiêu dùng nhiều thế hệ tin cậy và yêu thích, góp phần đáp ứng kịp thời nhu cầu sữa tươi chất lượng cao cho thị trường nội địa. Để tiếp tục duy trì và giữ vững vị thế của mình, Công ty đưa ra chiến lược Marketing như sau:

- Về sản phẩm: Công ty tập trung đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm thế mạnh từ sữa tươi nguyên chất như sữa tươi tiệt trùng, sữa tươi thanh trùng, sữa chua ăn, sữa chua uống, bơ, phomai, bánh sữa, váng sữa... Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, liên tục đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đưa thương hiệu Mộc Châu Milk gắn liền với các sản phẩm từ sữa tươi, đáp ứng nhu cầu về sữa tươi của người tiêu dùng Việt Nam.
- Với chuỗi sản xuất kinh doanh khép kín từ khâu chăn nuôi, chế biến cho tới phân phối, Mộc Châu Milk đã phát triển vùng đất Mộc Châu (Sơn La) trở thành vùng nguyên liệu sữa tươi bền vững, đảm bảo nguồn cung sữa tươi ổn định, giá cạnh tranh và đáng tin cậy.
- Phát triển chuỗi cửa hàng giới thiệu sản phẩm Mộc Châu Milk nhằm đẩy mạnh quảng bá thương hiệu Mộc Châu Milk, đưa sản phẩm đến gần hơn với người tiêu dùng. Tiếp tục duy



trì thị trường truyền thống, không ngừng mở rộng tìm kiếm và phát triển các thị trường trong và ngoài nước.

- Về quảng bá thương hiệu: Công ty liên tục quảng bá sản phẩm rộng rãi đến người tiêu dùng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Tivi, báo đài, tạp chí, internet, catalogue, banner, poster... Thường xuyên thay đổi nội dung, hình thức quảng cáo mới, lôi kéo sự chú ý và quan tâm của người tiêu dùng.
- Công ty cũng thực hiện các chương trình khuyến mãi lớn dành cho khách hàng như: Tặng thêm hộp giá không đổi, tặng kèm vật phẩm khuyến mại. Thực hiện các chương trình dùng thử sản phẩm ở các khu vực đông dân cư như: Trường học, chung cư, chợ, siêu thị... Tham gia các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm ở các tỉnh, thành...

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Công ty vinh dự nhận nhiều bằng khen, Huân chương Lao động từ Đảng và Chính phủ, đạt được nhiều giải thưởng như: Hàng Việt Nam Chất lượng cao, Top 10 thương hiệu phát triển bền vững, sản phẩm chất lượng cao, Top 5 thương hiệu được chọn mua nhiều nhất...

Bên cạnh kinh doanh, Công ty còn quan tâm tới các hoạt động xã hội, từ thiện như Quỹ khuyến học, chương trình Sữa học đường, tài trợ, ủng hộ các hoạt động vì cộng đồng của tỉnh, địa phương, phát động các chương trình từ thiện, gây quỹ trong cán bộ công nhân viên Công ty... Hội thi Hoa hậu Bò sữa do Công ty tổ chức thường niên cũng là nét đẹp văn hóa, trở thành ngày hội trên thảo nguyên Mộc Châu. Hội thi mang ý nghĩa tôn vinh nghề chăn nuôi bò sữa và động viên những người nông dân chăn nuôi, thu hút sự chú ý của cộng đồng, góp phần phát triển thương hiệu và quảng bá hình ảnh Công ty.

7.4. **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Biểu tượng logo của Công ty:

Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ.



Bảng 8: Danh sách đăng ký sở hữu trí tuệ nhãn hiệu MocchauMilk

Stt	Số	Tên nhãn hiệu	Quyết định số	Ngày cấp
1	70746	Pasteurized fresh milk(Sữa tươi có đường)	61173/QĐ-SHTT	15.10.2014
2	70761	Pasteurized fresh milk (Sữa tươi không đường)	61173/QĐ-SHTT	15.10.2014
3	70762	Sữa tươi có đường giàu Vitamin và khoáng chất	61173/QĐ-SHTT	15.10.2014
4	70764	Sữa tươi thanh trùng giàu Vitamin và khoáng chất	61173/QĐ-SHTT	15.10.2014
5	70767	Sữa bánh đặc sản Mộc Châu (Gói)	61173/QĐ-SHTT	15.10.2014



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU



6	70768	Sữa bánh đặc sản Mộc Châu (xanh)	61173/QĐ-SHTT	15.10.2014
7	70769	Sữa bánh đặc sản Cacao	61173/QĐ-SHTT	15.10.2014
8	76384	Sữa bánh đặc sản Mộc Châu (Vàng)	72297/QĐ - SHTT	20.12.2012
9	161245	Hội thi hoa hậu bò sữa Mộc Châu	39276/QĐ- SHTT	20.02.2019
10	277280	Mộc Châu Milk thảo nguyên xanh sữa mát lạnh	14305/QĐ-SHTT	08.04.2015
11	278624	Sữa thanh trùng thảo nguyên	18797/QĐ-SHTT	08.04.2015
12	287257	Sữa bánh đặc sản Mộc Châu (có bò hoa hậu)	60411/QĐ-SHTT	30.12.2015
13	157314	Logo công ty	39276/QĐ- SHTT	20.05.2019
14	278623	Sữa bánh đặc sản thảo nguyên	18796/QĐ- SHTT	08.04.2015
15	279769	Sữa bánh đặc sản Mộc Châu Vàng (mới)	23189/QĐ-SHTT	24.09.2014
16	318441	Logo công ty, Mộc châu milk	29032/QĐ-SHTT	18.04.2019
17	309928	Logo công ty, Mộc Châu Milk, không chất bảo quản	87549/QĐ-SHTT	16.05.2016
18	328771	Sữa chua nếp cẩm	74853/QĐ-SHTT	16.05.2017
19	318441	Mộc Châu Milk	29032/QĐ-SHTT	03.11.2016

Bảng 9: Danh sách đăng ký kiểu dáng công nghiệp sở hữu trí tuệ sản phẩm MocchauMilk

Stt	Số	Tên nhãn hiệu	Quyết định số	Ngày cấp
1	9018	Hộp sữa (180 ml Có đường,KĐ, Dâu, sô)	60981/QĐ-SHTT	14.10.2014
2	11225	Hộp sữa (w ,có đường,sô,dâu,cam)	14405/QĐ - SHTT	17.03.2016
3	17655	Nhãn sản phẩm(sữa chua có đường)	14405/QĐ - SHTT	17.03.2016
4	22479	Hộp sữa (180 ml Hiland)	43052/QĐ - SHTT	15.07.2016
5	24227	Sữa chua uống tiệt trùng(180 ml)	45460/QĐ - SHTT	25.09.2015
6	24100	Thanh trùng hộp giấy	41445/QĐ - SHTT	16.05.2016
7	29196	Sữa chuối hộp 180 ml hộp Edge	44751/QĐ - SHTT	07.10.2019



7.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH KDTM Thuận Hưng	Sữa	98,981	16/3/2020	16/3/2020
2	Công ty TNHH ĐTTM Đức Thắng	Sữa	90,162	16/3/2020	16/3/2020
3	Công ty TNHH Thực Phẩm Tuấn Hà	Sữa	87,690	16/3/2020	16/3/2020
4	Công ty TNHH Đức Nam Quảng Minh	Sữa	11,486	12/6/2020	12/6/2020
5	Công ty CP SỮA VN-NMS TIỀN SƠN	Sữa tươi nguyên liệu	136,258	14/4/2020	14/4/2020
6	Công ty CP nông nghiệp AGRO	Khô dầu cải, đậu, cọ	120	25/12/2019	01/01/2020
7	Công ty TNHH Bao bì Hương Sen	Hộp carton	56	25/12/2019	01/01/2020
8	Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	Bao bì giấy sữa	250	01/01/2020	01/01/2020

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 11. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng trưởng	Lũy kế đến 30/09/2020
Tổng giá trị tài sản	1.133.851	1.072.214	-5,44%	1.211.943
Doanh thu thuần	2.481.697	2.558.420	3,09%	2.141.718
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	205.520	188.964	-8,06%	229.635
Lợi nhuận khác	(4.724)	(3.357)	-28,93%	(3.556)
Lợi nhuận trước thuế	200.797	185.607	-7,56%	226.080
Lợi nhuận sau thuế	180.641	166.942	-7,58%	208.733
Tỷ lệ trả cổ tức/vốn điều lệ	35%	25%		n/a

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019; BCTC Quý III năm 2020 – MCM



Tổng giá trị tài sản năm 2019 giảm 5,44%, chủ yếu do năm 2019 Công ty đã giảm lượng hàng tồn kho từ 349.600 triệu đồng vào năm 2018 xuống còn 293.809 triệu đồng vào năm 2019. Đồng thời, các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn cũng giảm từ 464.387 triệu đồng 371.337 triệu đồng. Lũy kế đến Quý III năm 2020, tổng giá trị tài sản đạt 1.211.943 triệu đồng.

Doanh thu thuần năm 2019 tăng 3,09%, chủ yếu do tăng trưởng về doanh thu sản phẩm sữa từ 2.120 triệu đồng vào năm 2018 lên 2.215 triệu đồng vào năm 2019. Trong khi đó, doanh thu từ các mặt hàng khác (thức ăn chăn nuôi, vật tư chăn nuôi, bò bê và các sản phẩm khác) giảm so với năm 2018. Lũy kế đến Quý III năm 2020, doanh thu thuần đạt 2.141.718 triệu đồng tương đương 83,71% so với cả năm 2019. Tuy doanh thu thuần có tăng trưởng, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2019 giảm 8,06% so với năm 2018, do sự gia tăng trong chi phí bán hàng phát sinh. Cụ thể hơn, chi phí nhân viên tăng từ 36.018 triệu đồng lên 42.863 triệu đồng, chi phí hỗ trợ và quảng cáo tăng từ 178.455 triệu đồng lên 210.854 triệu đồng. Tuy nhiên, lũy kế đến 09 tháng năm 2020, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đã đạt 121,52% so với cả năm 2019.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

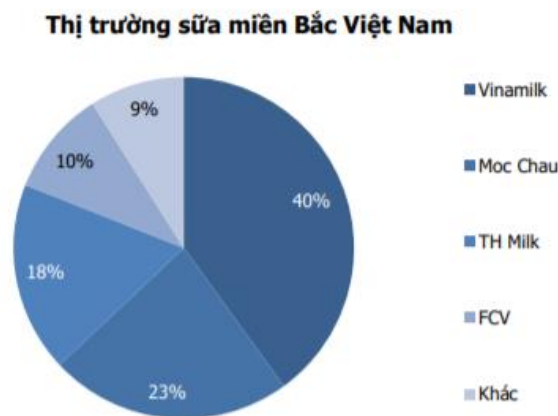
- Trong năm 2020, mặc dù thị trường chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt kết quả khả quan do nhu cầu về sữa là thực phẩm tốt cho hệ miễn dịch tăng lên.
- Bên cạnh đó, với sự tham gia điều hành của các nhân sự chủ chốt của Vinamilk tại Công ty, Công ty tiến hành tái cơ cấu hệ thống nhà phân phối, tối ưu hóa các chương trình hỗ trợ bán hàng, tiết giảm các chi phí hoạt động trong kỳ; ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu để đảm bảo chất lượng sữa đầu vào...lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2020 đạt hơn 106,2 tỷ đồng.
- Từ năm 2018 trở lại đây, Công ty liên tục tung ra thị trường các dòng sản phẩm mới không chỉ nâng cao tính cạnh tranh mà còn nâng cao hàm lượng dinh dưỡng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, các dòng sản phẩm chính của Mộc Châu Milk như sữa tươi tiệt trùng có đường, ít đường, sữa chua nếp cẩm... là những dòng sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng.
- Công ty luôn chú trọng trong vào việc tiếp thị, giới thiệu sản phẩm tới người tiêu dùng, sản phẩm sữa Mộc Châu tới các thị trường tiềm năng bằng việc mở rộng, khai trương nhiều cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng. Sản phẩm của Mộc Châu cũng có mặt tại hầu hết các siêu thị lớn nhỏ, các cửa hàng tự chọn, tạp hóa từ thành thị tới nông thôn, trải dài trên khắp các tỉnh thành của Việt Nam.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu hoạt động kinh doanh chủ yếu ở khu vực phía Bắc. Vị thế của Công ty còn hạn chế và thấp so với các thương hiệu lớn như Vinamilk, Frieslandcampina, Nutifoods. Đối với thị phần theo doanh thu, Bộ phận Phân tích của SSI ước tính Vinamilk hiện chiếm 54,2% thị phần, vượt xa các đối thủ khác như: Nutifood (12,1%), TH True Milk (9%), Mộc Châu (2,7%) và IDP (1,3%). Tại miền Bắc Việt Nam, ước tính MCM chiếm khoảng 18% thị phần.

Hình 5: Thị trường sữa miền Bắc Việt Nam



Nguồn: Công ty Cổ phần GTNFoods

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành sữa có tiềm năng tăng trưởng bền vững vì các yếu tố sau:

- Sữa là sản phẩm dinh dưỡng thiết yếu và tốt cho sức khỏe con người;
- Mức tiêu thụ sữa bình quân đầu người (hiện nay khoảng 20kg/người/năm) của Việt Nam là đang thấp so với các nước trong khu vực.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Chiến lược phát triển của Công ty phù hợp với ngành và chính sách của Nhà nước cũng như xu thế chung của thế giới. Nhà nước ta đang khuyến khích phát triển ngành sữa cả chiều sâu và chiều rộng để thay thế dần sữa nhập khẩu hiện nay, góp phần tăng trưởng kinh tế nước nhà và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, tiết kiệm ngoại tệ cho quốc gia.

10. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.



10.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 30/09/2020 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 896 người.

Bảng 12. Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
- Trình độ đại học và trên đại học	154	17,19%
- Cao đẳng, trung cấp, nghiệp vụ	299	33,37%
- Công nhân lao động phổ thông	443	49,44%
Tổng cộng	896	100%

10.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ lễ, Tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ... theo đúng quy định của pháp luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cải tạo trụ sở, các phòng làm việc một cách khoa học, khang trang, rộng rãi, thoáng mát tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp. Đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ cá nhân cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, luôn tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động sản xuất.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hàng năm Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về HACCP, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên đào tạo nguồn nhân lực hướng vào việc phát triển kỹ năng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng con người, Cập nhật các kỹ năng và kiến thức mới cho nhân viên. Huấn luyện cho nhân viên đưa vào những phương pháp làm việc mới. Cải thiện kiến thức kỹ thuật về công nghệ mới cho nhân viên từ hầu hết người lao động trong toàn Công ty như Công nhân lao động phổ thông tại các đơn vị, Nhà máy, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ đến đào tạo nghiệp vụ kỹ thuật cao đối với Cán bộ quản lý giúp cho CBCNV thực hiện công việc tốt hơn (nâng cao chất lượng và năng suất), ưu tiên khuyến khích học tập, nâng cao kiến thức thỏa mãn nhu cầu phát triển cho các cá nhân. Tạo nên thái độ làm việc đúng đắn, trung thành với tổ chức. Phát huy tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của nhân viên. Xây dựng và củng cố nền văn hóa doanh nghiệp.



c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương và thưởng: Công ty có chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kì, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể căn cứ vào thành tích trong việc thực hiện tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, chất lượng, phương pháp tổ chức sản xuất.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ vào quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh qua các năm.

Tỷ lệ chi trả cổ tức công ty 3 năm qua như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán	Ghi chú
2017	25%	Tiền	Đã thanh toán
2018	35%	Tiền	Đã thanh toán
2019	25%	Tiền	Đã thanh toán

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.



a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Bảng 13. Tình hình vốn điều lệ giai đoạn 2018 – 09 tháng 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Vốn chủ sở hữu	767.852	726.740	925.037
1	Vốn góp của chủ sở hữu	568.460	668.000	668.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	82.532	16.694	37.568
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	116.859	42.045	219.469

Bảng 14. Nguồn vốn kinh doanh 2018 – 06 tháng 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Nợ phải trả	365.999	354.474	286.906
1	Nợ ngắn hạn	342.561	342.561	284.069
2	Nợ dài hạn	2.048	2.913	2.847
II	Vốn chủ sở hữu	767.852	726.740	925.037
Tổng nguồn vốn		1.133.851	1.072.214	1.211.943

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC 09 tháng 2020 - MCM

b. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

Bảng 15. Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 15 năm
Máy móc, thiết bị	04 – 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
Tài sản cố định vô hình	03 – 05 năm

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 - MCM



c. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2019 là 8.500.000 đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân của người lao động Công ty ở mức cao hơn so với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước.

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 và năm 2019, kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

e. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp cho nhà nước: Thuế, Bảo hiểm thực hiện kê khai đầy đủ và nộp đúng kỳ hạn.

Bảng 16. Tình hình số dư các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.842	11.833
Thuế giá trị gia tăng	3.494	1.698	44.878
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.952
Tổng cộng	3.494	4.540	60.663

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC 09 tháng 2020 - MCM

f. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bảng 17: Số dư các quỹ giai đoạn 2018 – 06 tháng 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Số dư các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ đầu tư phát triển	82.532	16.694	37.567
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	42.285	38.241	15.971
3	Lợi nhuận chưa phân phối	116.859	42.045	219.469

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC 09 tháng 2020 - MCM



g. Tổng dư nợ vay

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Công ty không phát sinh nợ vay giai đoạn 2018 – 09 tháng 2020.

h. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 18. Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	73.009	71.291	177.285
1	Phải thu của khách hàng	21.576	22.473	134.453
2	Trả trước cho người bán	14.338	8.841	4.956
3	Phải thu cho vay ngắn hạn	33.259	29.320	22.720
4	Phải thu ngắn hạn khác	3.835	10.656	15.155
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng	73.009	71.291	177.285

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC 09 tháng 2020 - MCM

Bảng 19. Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Nợ ngắn hạn	363.951	342.561	284.069
1	Phải trả người bán ngắn hạn	90.443	58.653	83.157
2	Người mua trả tiền trước	16.048	26.267	773
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.494	4.541	60.664
4	Phải trả người lao động	34.751	25.291	7.699
5	Phải trả ngắn hạn khác (*)	176.930	189.567	115.743
6	Quỹ khen thưởng phúc lợi	42.285	38.242	15.971
II	Nợ dài hạn	2.048	2.913	2.837
	Tổng	365.999	345.474	286.906

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC 09 tháng 2020 - MCM



12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20. Các chỉ tiêu tài chính năm 2018 – 2019

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2,53	2,54
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,57	1,68
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	32,28	32,18
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	47,66	47,46
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	Vòng	6,46	6,43
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,19	2,39
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,29	6,53
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,54	22,34
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	16,28	15,13
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,30	7,39
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/Cổ phiếu	2.892	2.601

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 - MCM

a. Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn, đảm bảo không rơi vào tình trạng tài chính kiệt quệ. Từ 2018 đến 2019, các hệ số thanh toán của Công ty luôn lớn hơn 1,5 lần.



b. Cơ cấu vốn

Công ty không vay nợ. Hệ số nợ tương đương 32% tổng tài sản và 47% vốn chủ sở hữu.

c. Năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động ổn định qua các năm trong đó chỉ số vòng quay hàng tồn kho ở mức 6,4 vòng và chỉ số doanh thu thuần luôn lớn gấp 2 lần tổng tài sản Công ty.

d. Khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời của Công ty có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2019. Thu nhập trên mỗi cổ phần năm 2019 đạt mức 2.601 VND/cổ phiếu, giảm nhẹ so với mức 2,892 VND/cổ phiếu năm 2018.



13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số CCCD/CMND
1. Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT	1953	001153002818
2. Trịnh Quốc Dũng	Thành viên HĐQT	1962	042062000192
3. Phan Minh Tiên	Thành viên HĐQT	1970	023419274
4. Phạm Hải Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1969	050348105
5. Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc nhà máy sữa	1976	050317320

a. Chủ tịch HĐQT – Bà Mai Kiều Liên

Họ và tên khai sinh	: Mai Kiều Liên
CMND/Hộ chiếu	: 001153002818, Cấp ngày 07/01/2016, nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 1953
Nơi sinh	: Pháp
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 5/84 Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
Quá trình công tác	:
1992 - nay	: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk”). Chủ tịch HĐQT Vinamilk từ 2003 đến 2015, sau đó Bà tiếp tục là thành viên HĐQT của Vinamilk đến nay.
1984 – 1992	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, phụ trách lĩnh vực kinh tế.



1976 – 1983	:	Đảm nhận các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật – Nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.
Chức vụ hiện nay:	:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	<ul style="list-style-type: none">- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.- Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.- Chủ tịch, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation.- Đại diện chủ sở hữu, Vinamilk Europe Spółstka Z Organizacja Odpowiedzialnoscia.- Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Lao-Jagro Development Xiengkhuang.- Thành viên HĐQT, Miraka Limited.- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần GTNFoods.- Chủ tịch HĐQT, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP.
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP nắm giữ 34.068.164 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

b. Thành viên HĐQT – ông Trịnh Quốc Dũng

Họ và tên khai sinh	:	Trịnh Quốc Dũng
CMND/Hộ chiếu	:	042062000192, cấp ngày 22/03/2017, Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	05/10/1962
Nơi sinh	:	Hà Tĩnh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Căn hộ 1002, Tháp Sapphire 1, Saigon Pearl, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU



Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa
Quá trình công tác	:
Từ 01/01/2020 đến nay	: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần GTNFoods
Từ 15/02/2020 đến nay	: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần GTNFoods, Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP
Từ 16/02/2020 đến nay	: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu.
2019 - nay	: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Lào Jagro.
2014 – nay	: Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu - Vinamilk, Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa
2012 – 2014	: Giám đốc Nhà máy sữa Việt Nam - Vinamilk
2005 – 2012	: Giám đốc Nhà máy sữa Nghệ An - Vinamilk
1998 – 2005	: Giám đốc Trung tâm tư vấn dịch vụ đầu tư công nghiệp Điện
1987– 1998	: Công tác ở các vị trí khác nhau tại Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).
Chức vụ hiện nay:	: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu:
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: - Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu Vinamilk. - Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam. - Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống nhất, Thanh Hóa. - Thành viên HĐQT Cty Lào Jagro. - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần GTNFoods. - Thành viên HĐQT, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP.
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP nắm giữ 34.068.164 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không



Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

c. Thành viên HĐQT – Ông Phan Minh Tiên

Họ và tên khai sinh	: Phan Minh Tiên
CMND/Hộ chiếu	: 023419274 cấp ngày 11/01/2014, nơi cấp CA Tp Hồ Chí Minh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 29/10/1970
Nơi sinh	: Đà Nẵng
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: A 8 – 01 Cảnh Viên 2, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:
Từ 2014 – nay	: Giám đốc Điều hành Marketing, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
Từ năm 2013-2014	: Ông là Giám đốc Marketing, Cty Samsung Vietnam
Từ năm 2008-2013	: Phó Chủ Tịch phụ trách ngành hàng Thực phẩm, Cty Unilever
Chức vụ hiện nay:	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: - Giám đốc Điều hành Marketing kiêm Giám đốc Điều hành Kinh doanh Nội địa - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 0 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không



d. Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Ông Phạm Hải Nam

Họ và tên khai sinh	:	Phạm Hải Nam
CMND/Hộ chiếu	:	050348105, Cấp ngày 11/01/2014, Nơi cấp CA Sơn La
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	11/10/1969
Nơi sinh	:	Tp Sơn La, Tỉnh Sơn La
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tiểu khu Cấp 3 – Thị trấn Nông Trường Mộc Châu – Huyện Mộc Châu – Tỉnh Sơn La
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Chăn nuôi
Quá trình công tác	:	
Từ 16/2/2020 đến nay	:	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.
Từ 1/2/2020 đến 15/02/2020	:	Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.
Từ tháng 6/2015 đến 1/2020	:	Phó tổng giám đốc, kiêm Trưởng phòng SXKD, Giám đốc Trung tâm giống và chuyên giao kỹ thuật - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2015	:	Trưởng phòng Sản xuất kinh doanh, Giám đốc Trung tâm Giống và CGKT - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ tháng 10/2010 đến tháng 9/2014	:	Phó giám đốc Trung tâm giống và chuyên giao kỹ thuật - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Tháng 10/1992 đến 10/2010	:	Nhân viên phòng Sản xuất kinh doanh - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	86.378 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không



e. Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc nhà máy sữa – Ông Nguyễn Anh Tuấn

Họ và tên khai sinh	: Nguyễn Anh Tuấn
CMND/Hộ chiếu	: 050317320, Cấp ngày 09/06/2014, Nơi cấp CA Sơn La
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 06/08/1976
Nơi sinh	: Thị trấn Nông Trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tiểu khu 70 - Thị trấn Nông Trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Hóa thực phẩm
Quá trình công tác	:
Từ 16/02/2020 đến nay	: Thành viên HĐQT, Giám đốc nhà máy, Trưởng ban công nghệ - Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc châu
Từ 01/12/2019 đến 15/02/2020:	: Giám đốc nhà máy, trưởng ban công nghệ, trưởng ban ISO - Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc châu
Từ 04/2007-12/2019	: Phó giám đốc nhà máy sữa, trưởng ban công nghệ, trưởng ban ISO - Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc châu
08/2006 - 04/2007	: Trưởng ban Công nghệ kiêm xưởng phó Xưởng UHT Nhà máy sữa - Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc châu
09/2004 -08/2006	: Trưởng ban công nghệ - Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc châu
12/2003-04/2004	: Xưởng phó Xưởng chế biến sữa - Công ty cổ phần sữa Mộc châu
11/1998 -12/2003	: Kỹ thuật Xưởng chế biến sữa - Công ty sữa thảo nguyên (tiền thân Mocchaumilk)
01/1998 -11/1998	: Nhân viên Ban KCS thuộc Công ty sữa thảo nguyên (tiền thân Mocchaumilk).
Chức vụ hiện nay:	: Thành viên HĐQT, Giám đốc nhà máy, Trưởng ban công nghệ - Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc châu
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 253.865 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 392.446 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không



13.2. Ban kiểm soát

Cơ cấu Ban kiểm soát ở thời điểm hiện tại bao gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CCCD/CMND
1	Trần Ngọc Duy	Trưởng ban kiểm soát	1983	0600830002398
2	Trịnh Công Sơn	Thành viên BKS	1992	272069774
3	Phạm Quang Thùy	Thành viên BKS	1962	050292809

a. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Trần Ngọc Duy

Họ và tên khai sinh	: Trần Ngọc Duy
CMND/Hộ chiếu	: 0600830002398, Cấp ngày 08/03/2019, Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLCH về TTXH
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 12/10/1983
Nơi sinh	: Bình Thuận
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 0201 Lô C Chung cư 76 Ngô Tất Tố, Phường 19m Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:
Từ năm 2016 đến nay	: Trưởng ban kiểm soát hệ thống - Phòng Kiểm soát nội bộ & quản lý rủi ro, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
Từ năm 2015 đến năm 2016	: Trưởng ban Điều phối dự án – Phòng Hoạch định chiến lược, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Từ năm 2011 đến năm 2015	: Trưởng ban Tài chính dự án – Khối Dự án, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
Từ năm 2011 đến năm 2013	: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Sữa Dielac (100% vốn của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam)
Từ năm 2006 – 2011	: Chuyên viên kế toán giá thành tại Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Chức vụ hiện nay:	: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Trưởng ban kiểm soát hệ thống - Phòng Kiểm soát nội bộ & quản lý rủi ro, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không



b. Thành viên BKS – Ông Trịnh Công Sơn

Họ và tên khai sinh	:	Trịnh Công Sơn
CMND/Hộ chiếu	:	272069774, Cấp ngày 04/08/2006, nơi cấp : CA Đồng Nai
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/05/1992
Nơi sinh	:	Đồng Nai
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	88/440, Khu phố 1, Phường Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế, chứng chỉ Kiểm toán viên
Quá trình công tác	:	
Từ 16/02/2020 đến nay	:	Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 2017 – 15/02/2020	:	Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Từ năm 2014 – 2017	:	Trưởng nhóm kiểm toán công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không



c. Thành viên BKS – Ông Phạm Quang Thùy

Họ và tên khai sinh	: Phạm Quang Thùy
CMND/Hộ chiếu	: 050292809, Cấp ngày 09/06/2006, Nơi cấp CA Sơn La
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 19/06/1962
Nơi sinh	: Trục Thanh – Trục Ninh – Nam Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tiểu khu Khí Tượng – Thị trấn Nông Trường Mộc Châu – Huyện Mộc Châu – Tỉnh Sơn La
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:
Từ 16/02/2020 đến nay	: Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Nhà máy Chế biến Thức ăn Chăn nuôi, Phó bí thư Thường trực Đảng ủy Công ty C.Phần Giống bò sữa Mộc Châu.
Từ t 04/2015 đến 15/02/2020	: Giám đốc nhà máy thức ăn tổng hợp TMR. Phó bí thư Thường trực Đảng ủy Công ty. Nhà máy TMR- Công ty C.Phần Giống bò sữa Mộc Châu.
Từ 03/2013 đến 03/2015	: Giám đốc nhà máy thức ăn tổng hợp TMR, kiêm Thường trực Văn phòng Đảng ủy Công ty C.Phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 02/2012 đến 02/2013	: Thường trực Văn phòng Đảng ủy; Phó ban Quản lý dự án công ty. Phó bí thư chi bộ S.Xuất K.Doanh.- Công ty C.Phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 02/2010 đến 01/2012	: Phó giám đốc NMS, Chủ tịch Công đoàn Nhà máy Sữa - Công ty C.Phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 06/2005 đến 01/2010	: Đội trưởng Đội 66, Bí thư chi bộ đội sản xuất, kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Công ty chè Mộc Châu.
Từ 03/2000 đến 05/2005	: Đội trưởng, Bí thư chi bộ đội sản xuất Đội 66 - Công ty chè Mộc Châu
Từ 07/1997 đến 02/2000	: Đội trưởng Đội 66, kiêm Bí thư Đoàn thanh niên Công ty chè Mộc Châu
Từ 04/1995 đến 06/1997	: Đội phó, kiêm kế toán đội sản xuất Đội 96, kiêm Bí thư Đoàn TN Công ty chè Mộc Châu
Từ 03/1992 đến 03/1995	: Phó ngành chế biến Bán thành phẩm, kiêm Bí thư Đoàn TN C.Ty - Nhà máy chè đen, Công ty chè Mộc Châu
Từ 07/1990 đến 02/1992	: Bí thư chuyên trách Đoàn thanh cộng sản Hồ Chí Minh công ty - Công ty chè Mộc Châu
Từ 07/1987 đến 06/1990	: Nhân viên thủ kho vật tư tổng hợp - Công ty chè Mộc Châu
Từ 12/1985 đến 06/1987	: Công nhân cơ khí sửa chữa Xưởng chè 1/5 - Công ty Chè Mộc Châu



Chức vụ hiện nay:	: Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Nhà máy Chế biến Thức ăn Chăn nuôi, Phó bí thư Thường trực Đảng ủy Công ty C.Phần Giống bò sữa Mộc Châu
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 125.871 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: Lê Thị Lệ - Vợ - nắm giữ 188.989 cổ phần Phạm Lê Hùng – Con trai nắm giữ 20.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không

13.3. Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc ở thời điểm hiện tại bao gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CCCD/CMND
1	Phạm Hải Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1969	050348105
2	Nguyễn Sỹ Quang	Phó Tổng giám đốc	1968	013254073
3	Trần Mạnh Thắng	Phó Tổng giám đốc	1972	001072012968
4	Phạm Tuyên	Phó Tổng giám đốc	1968	001068015685

a. Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Ông Phạm Hải Nam

Đã trình bày ở mục HĐQT.

b. Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Sỹ Quang

Họ và tên khai sinh	: Nguyễn Sỹ Quang
CMND/Hộ chiếu	: 013254073, Cấp ngày 07/01/2010, nơi cấp CA Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/07/1968
Nơi sinh	: Thị trấn Nông Trường Mộc Châu - Huyện Mộc Châu – Tỉnh Sơn La
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 32 - Ngõ 111 - Triều Khúc - Xã Tân Triều - Thanh Trì - Hà Nội



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU



Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư chăn nuôi
Quá trình công tác	:	
Từ 3/2020 đến nay	:	Phó tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Sản xuất Kinh doanh - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 01/2020 – 02/2020	:	Quyền giám đốc Kênh GT - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 8/2008 – 12/2020	:	Phó tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 8/2006 – 7/2008	:	Phó giám đốc chi nhánh Hà Nội kiêm Phụ trách Thị trường - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ năm 2003-7/2006	:	Phó phòng Sản xuất Kinh doanh, Bí thư Chi bộ Sản xuất Kinh doanh - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ năm 2001 – 2003	:	Cán bộ Phòng Sản xuất Kinh doanh – Bí thư đoàn Thanh niên Công ty - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ năm 1995 - 2000	:	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ năm 1990 – 1994	:	Sinh viên - Trường ĐH Nông lâm Thái Nguyên
Từ năm 1985 – 1990	:	Công nhân Xí nghiệp Cơ điện Mộc Châu - XN liên hợp Mộc Châu
Chức vụ hiện nay:	:	Phó tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Sản xuất Kinh doanh - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	302.055 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không



c. Phó Tổng Giám đốc – Ông Trần Mạnh Thắng

Họ và tên khai sinh	: Trần Mạnh Thắng
CMND/Hộ chiếu	: 001072012968, Cấp ngày 16/05/2017, nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú & DLQG về dân cư
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 18/10/1972
Nơi sinh	: Phường Trung Tự - Đống Đa – Thành phố Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: P308B5 - tập thể Trung Tự - Trung Tự - Đống Đa – Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: - Kỹ sư hóa thực phẩm chuyên ngành sữa - Thạc sỹ công nghệ sinh học
Quá trình công tác	:
Từ 24/02/2020 đến nay	: Phó TGD, Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ 10/2017 đến nay	: Quản đốc sản xuất tại Nhà máy sữa Tiên Sơn – Vinamilk
Từ 2/2016 đến 9/2017	: Giám đốc Nhà máy sữa Angkormilk thuộc Công ty cổ phần sữa Angkormilk – là thành viên của Công ty cổ phần sữa Việt Nam
Từ 6/1996 đến 1/2016	: Quản đốc sản xuất tại Nhà máy sữa Hà Nội, Nhà máy sữa Tiên Sơn – Vinamilk.
Chức vụ hiện nay:	: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không



d. Phó Tổng Giám đốc – Ông Phạm Tuyên

Họ và tên khai sinh	: Phạm Tuyên
CMND/Hộ chiếu	: 001072012968, Cấp ngày 16/05/2017, Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú & DLQG về dân cư
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 21/05/1968
Nơi sinh	: Phường Văn Miếu - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội.
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 32 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội.
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế Ngân hàng – Tài chính Kỹ thuật trưởng Vô tuyến – Rada máy bay chiến đấu.
Quá trình công tác	:
Từ 01/2020 đến nay	: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam – CTCP.
Từ năm 1/2019 đến nay	: Giám đốc Kinh doanh Nội địa – Vinamilk.
Từ 1993 – 2018	: Làm việc tại Vinamilk, đảm nhiệm các vị trí Giám sát bán hàng, Trưởng vùng bán hàng, Giám đốc Kinh doanh Miền bắc, miền Đông bắc bộ, Miền duyên hải, Trưởng ban Hành chính nhân sự, Trưởng ban phát triển vùng nguyên liệu
Từ năm 1989 – 1992	: Công tác tại Ban cơ yếu TW – Sỹ quan an ninh.
Chức vụ hiện nay:	: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Giám đốc Kinh doanh Nội địa – Vinamilk Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam – CTCP.
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP nắm giữ 34.068.164 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không



e. Quyền Kế toán trưởng – Ông Nguyễn Anh Tú

Họ và tên khai sinh	:	Nguyễn Anh Tú
CMND/Hộ chiếu	:	050336324, Cấp ngày 30/07/2012, Nơi cấp CA Sơn La
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	26/02/1978
Nơi sinh	:	Thị trấn Nông Trường Mộc Châu – Huyện Mộc Châu – Tỉnh Sơn La
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tiểu khu 70 - Thị trấn Nông Trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ ngày 10/06/2020 đến nay	:	Quyền Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.
Từ tháng 6 năm 2019 đến 02/2020	:	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.
Từ tháng 4 năm 2007 đến 05/2019	:	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.
Từ tháng 11/2005 đến nay	:	Phó phòng Kế toán – Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Từ tháng 9/2000 đến tháng 10/2005	:	Nhân viên Kế toán - Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Chức vụ hiện nay:	:	Quyền Kế toán trưởng
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	392.446 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Nguyễn Anh Tuấn – Anh trai – nắm giữ 253.865 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không



14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

14.1. Tài sản cố định

Bảng 21. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Hạng mục	Nguyên giá	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	176.931	102.812	74.119
2	Máy móc thiết bị	527.552	458.940	68.611
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	679	382	296
4	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	58.833	44.688	14.145
5	Súc vật làm việc, cho sản phẩm	72.582	38.741	33.841
6	TSCĐ khác	4.613	4.592	21
	Tổng	841.192	650.157	191.035

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 - MCM

14.2. Tình hình sử dụng đất đai

Bảng 22. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2019

Stt	Địa điểm	Diện tích (m2)	Công trình trên đất	Hình thức sở hữu đất
1	Tiểu khu 70, Thị trấn NT Mộc Châu	105	Đất thương mại dịch vụ (Xây dựng trạm bơm nước Công ty)	Thuê 50 năm
2	Tiểu khu Xưởng sữa, Thị trấn NT Mộc Châu	12.078	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (xây dựng nhà máy chế biến sữa Thanh trùng và các công trình phụ trợ khác)	Thuê 50 năm
3	Tiểu khu Vườn Đào, Thị trấn NT Mộc Châu	79	Trạm bơm (Đất thương mại dịch vụ)	Thuê 50 năm
4	Tiểu khu Bệnh Viện II, Thị trấn NT Mộc Châu	3.503	Đất thương mại dịch vụ (Xây dựng trung tâm thương mại và các công trình phụ trợ khác)	Thuê 50 năm
5	Tiểu khu 40, Thị trấn NT Mộc Châu	1.037	Đất thương mại dịch vụ (cửa hàng giới thiệu sản phẩm và các công trình phụ trợ khác)	Thuê 50 năm
6	Tiểu khu Khí Tượng, Thị trấn NT Mộc Châu	21.499	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (xây dựng nhà máy chế biến thức ăn và các công trình phụ trợ khác)	Thuê 50 năm



7	Tiểu khu Khí Tượng, Thị trấn NT Mộc Châu	25.358	Đất cơ sở SX,KD (xây dựng nhà máy chế biến sữa UHT và các công trình phụ trợ khác)	Thuê 50 năm
8	Tiểu khu cấp III, Thị trấn NT Mộc Châu	10.614	Đất cơ sở SX, KD phi nông nghiệp (Xây dựng, nhà máy CBTAGS, nhà kho, sân phơi và các công trình phụ trợ khác)	Thuê 50 năm
9	Tiểu khu Cơ Quan, Thị trấn NT Mộc Châu	14.457	Đất thương mại dịch vụ (Xây dựng trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ khác)	Thuê 50 năm
10	Số 29 Cát Linh Hà Nội	150	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Thuê 20 năm
11	Huyện Mộc Châu	9.532.148	Đồng cỏ - trang trại	Thuê 20 năm
12	Huyện Vân Hồ	868.355	Đồng cỏ - trang trại	Thuê 20 năm

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 23. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Năm 2020	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2019
Vốn góp của chủ sở hữu	668	1.100	64,67%
Doanh thu thuần	2.562	2.905	13,4%
Lợi nhuận sau thuế	167	157	-5,99%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,5%	5,4%	-1,1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu	25,00%	14,27%	-10,73%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	25%	-

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần năm 2020 tăng 13,4% so với năm 2019 căn cứ vào các dấu hiệu tích cực hiện tại khi áp dụng những thay đổi cơ bản trong chính sách bán hàng, đặc biệt là chi phí khuyến mãi được điều chỉnh theo hướng hiệu quả và hợp lý hơn. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng các hoạt động tối ưu hóa sản xuất và giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào để gia tăng doanh số, tối đa hóa lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế kế hoạch giảm 5,99% so với năm 2019 là do thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 ước tính là 20% tăng so năm 2019 là 10%.



Công ty giữ nguyên mức trả cổ tức cho cổ đông là 25% trên vốn điều lệ (2.500 đồng/cổ phiếu) tính theo số lượng cổ phiếu trước khi phát hành cổ phiếu.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là đơn vị tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Trong 06 tháng đầu năm 2020, Công ty đã ghi nhận doanh thu 1.367 tỷ đồng tương ứng 47,1% kế hoạch cả năm 2020 và cao gấp 1,07 lần so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên với tình hình diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 trong 06 tháng cuối năm 2020, mức tăng trưởng doanh thu 13,6% có thể là một trở ngại đối với Ban lãnh đạo của Công ty. Hiện nay Công ty đã và đang triển khai các giải pháp kinh doanh tích cực và hiệu quả như:

- kiểm soát tốt hơn chi phí chi phí bán hàng;
- kiểm soát chi phí nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất;
- thay đổi chính sách bán hàng theo hướng phù hợp hơn và hiệu quả hơn;
- sắp xếp lại lực lượng bán hàng, làm tốt công tác chăm sóc khách hàng;
- chú trọng đầu tư vào nhận diện thương hiệu, phát triển vùng nguyên liệu, và kênh phân phối hàng hóa;

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

ĐHĐCĐ Công ty đã ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện mọi thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu của Công ty trong thời gian không quá 09 tháng kể từ ngày 17/07/2020. Công ty cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có



V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

43.200.000 cổ phiếu tương đương 64,67% tổng số cổ phần đã phát hành trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.340.000 cổ phiếu
- Chào bán cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược: 39.192.000 cổ phiếu
- Chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 668.000 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến đối với cổ phiếu chào bán

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 20.000 VND/cổ phiếu
- Chào bán cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược: 30.000 VND/cổ phiếu
- Chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 10.000 VND/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Giá trị cổ phiếu ưu đãi - lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phần phổ thông đang lưu hành}}$$

Stt	Khoản mục	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2019 (đã kiểm toán)	Tại ngày 30/6/2020 (đã soát xét)
1	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	726.740	826.804
2	Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành	Cổ phần	66.800.000	66.800.000
3	Giá trị sổ sách	VND/cổ phần	10.879	12.377

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 20.000 VND/cổ phiếu cao hơn 1,6 lần so với giá trị sổ sách tại 30/09/2020;
- Giá chào bán cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược: 30.000 VND/cổ phiếu cao hơn 2,4 lần so với giá trị sổ sách tại 30/09/2020 và cao hơn 1,5 lần so với giá chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Chào bán ESOP: 10.000 VND/cổ phiếu bằng mệnh giá cổ phiếu Công ty.



6. Phương thức phân phối

a. Đối với các cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu:

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được phân phối trực tiếp tại Công ty theo tỷ lệ thực hiện quyền và đăng ký của cổ đông. Cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu tại Công ty.

Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông (tự do chuyển nhượng)
Số lượng phát hành dự kiến:	Tối đa 3.340.000 cổ phần
Tỷ lệ phát hành:	100:05 (tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phần được quyền mua 05 cổ phần phát hành thêm)
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng.
Chuyển nhượng quyền mua:	Không được phép chuyển nhượng
Nguyên tắc làm tròn:	Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Toàn bộ số lượng cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh sẽ bị hủy bỏ. <i>Ví dụ: tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 8 cổ phiếu, số cổ phiếu phát hành thêm tạm tính theo tỷ lệ phát hành là $8 \times 1/3 = 2,67$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống, số cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông Nguyễn Văn A được quyền mua là 2 cổ phiếu; 0,67 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.</i>
Phương thức xử lý cổ phần không chào bán hết:	Số lượng cổ phần do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chào bán lại cho nhà đầu tư chiến lược theo giá chào bán 30.000 VND/cổ phiếu. Căn cứ khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015, số cổ phiếu chào bán cho các đối tượng khác theo quyết định trên của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
Điều kiện hủy bỏ đợt phát hành:	Không có

b. Đối với các cổ phần chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và theo chương trình lựa chọn cho người lao động:

Chào bán ESOP

Thực hiện theo Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty.

Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

Đối tượng chào bán là nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn trên cơ sở đạt đồng thời các tiêu chí sau:

- Là tổ chức có tiềm lực tài chính tốt;
- Có kinh nghiệm về quản trị công ty tốt;



- Có kinh nghiệm trực tiếp hoặc gián tiếp trong việc điều hành doanh nghiệp sữa; và
- Có ít nhất 1 nhân sự đã tham gia HĐQT của Công ty và các nhân sự này có kinh nghiệm làm việc trong ngành sữa ít nhất 05 (năm) năm.

ĐHĐCĐ Công ty lựa chọn chào bán cổ phần cho 02 (hai) nhà đầu tư chiến lược như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Trụ sở	SLCP trước khi phát hành	SLCP dự kiến chào bán	SLCP dự kiến sau phát hành
(i).	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Vinamilk”)	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	0	9.737.790	9.737.790
(ii).	Công ty Cổ phần GTN Foods	92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	0	29.454.210	29.454.210

Số lượng cổ phần chào bán cho 02 nhà đầu tư nêu trên sẽ được HĐQT quyết định căn cứ vào (i) số lượng đăng ký mua của 02 nhà đầu tư và (ii) tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu cam kết thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 189 Luật doanh nghiệp 2014: “Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của Công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối thiểu trong vòng 20 ngày và tối đa 90 ngày kể từ ngày nhận được chấp thuận của UBCKNN. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý III hoặc Quý IV/2020 và ngay sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua ngay sau khi Công ty nhận được chấp thuận từ UBCKNN theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

9. Phương thức thanh toán

Tiền mua cổ phiếu sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo hướng dẫn sau khi Công ty nhận được chấp thuận từ UBCKNN.



10. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu

HĐQT nhận định các hạng mục đầu tư cần huy động vốn trong đợt phát hành này là rất quan trọng, do đó nguồn vốn huy động từ cổ đông là rất cần thiết và được HĐQT cam kết sử dụng toàn bộ nguồn vốn đó để đầu tư cho một phần hoặc toàn bộ các hạng mục, tùy theo tình hình thực tế huy động được.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu, toàn bộ số cổ phần còn lại được ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho 02 (hai) nhà đầu tư chiến lược.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu MCM của nhà đầu tư nước ngoài tính đến thời điểm hiện tại là 0,02%.

Căn cứ Khoản 2 Điều Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP. Theo tra cứu của doanh nghiệp, Công ty có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo tra cứu của doanh nghiệp cụ thể như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài
1	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (mã ngành: 1050)	1050	Không hạn chế
2	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (mã ngành: 1080) Chi tiết: Chế biến thức ăn gia súc	1080	Không hạn chế
3	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (mã ngành: 0141) Chi tiết: - Chăn nuôi bò sữa, bò thịt - Chọn lọc, nhân giống và phát triển đàn bò sữa quốc gia Sản xuất và cung ứng giống bò	0141	Không hạn chế
4	Trồng cây chè (mã ngành: 0127)	0127	Không hạn chế
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (mã ngành: 4620) Chi tiết: Bán buôn thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.	4620	Không hạn chế
6	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ (mã ngành: 4781) Chi tiết: Bán lẻ sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt	4781	Không hạn chế



7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (<i>mã ngành: 4669</i>) Chi tiết: (Trừ bán buôn phải có chứng chỉ hành nghề) - Bán buôn thuốc thú y Bán buôn hóa chất tẩy rửa máy móc	4669	Không hạn chế
8	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ (<i>mã ngành: 2012</i>) Chi tiết: Sản xuất phân vi sinh	2012	Không hạn chế
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (<i>mã ngành: 5510</i>) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ	5510	Không hạn chế
10	Bán buôn thực phẩm (Mã ngành: 4632) Chi tiết: - Bán buôn sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt Thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi	4632	Không hạn chế
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (<i>mã ngành: 4653</i>)	4653	Không hạn chế
12	- Kinh doanh, xuất nhập khẩu con giống, vật tư, nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi, thiết bị và phụ tùng máy móc, hương liệu, các sản phẩm từ sữa, bao bì phục vụ chăn nuôi và chế biến. - Kinh doanh cân điện tử. (<i>Ghi chú: Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>)	Không có	Không hạn chế

Như vậy, Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không hạn chế tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty cũng đã ban hành Nghị quyết về việc không giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Đợt phát hành này được chào bán cho cổ đông hiện hữu, các nhà đầu tư chiến lược và CBCNV trong đó các cổ đông hiện hữu không được chuyển nhượng quyền mua. Vì vậy đợt phát hành sẽ làm giảm tỷ lệ sở hữu của NĐTNN của Công ty xuống mức thấp hơn 0,02% như hiện nay, do đó vẫn đáp ứng quy định về pháp luật đối với tỷ lệ sở hữu của NĐTNN.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu không phân phối hết trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư chiến lược sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo quy định tại Khoản 3 – Điều 9 Nghị định 60/2015/ND-CP ngày 26/06/2015.

Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán riêng lẻ và ESOP là cổ phiếu phổ thông và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.



13. Các loại thuế có liên quan

Theo quy định của pháp luật hiện hành

14. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
- Số tài khoản phong toả: 412.10.00336888.8
- Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Huy động vốn tài trợ các dự án đầu tư phát triển của Công ty. Theo Nghị quyết số 448-NQ/HĐQT/2020, ngày 10/08/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu, mục đích phát hành là huy động vốn để tài trợ trước cho các dự án đầu tư phát triển sau đây của Công ty:

- Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sữa nước; và
- Dự án đầu tư trang trại bò sữa mới với qui mô 4.000 con kết hợp du lịch sinh thái; và Dự án nâng cấp trang trại hiện hữu lên qui mô 2.000 con.

2. Phương án khả thi

2.1. Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sữa nước.

Dự án này đã được ĐHĐCĐ phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/GBS/2020 vào ngày 17 tháng 07 năm 2020 và theo Nghị quyết 448-NQ/HĐQT/2020, ngày 10/08/2020 của HĐQT Công ty.

Nội dung chính của dự án được tóm tắt như sau:

a. Mục đích và sự cần thiết của dự án đầu tư:

- Công ty hiện đang có 3 dây chuyền sữa nước hộp 180ml, bao gồm 1 máy A3 Speed và 2 máy TBA19. Công suất sử dụng 03 dây chuyền này đã đạt trung bình khoảng 90% và sẽ thiếu hụt sản lượng cho các tháng bán hàng cao điểm.
- Đây là dự án đầu tư mở rộng và phát triển của Công ty. Do đó, Công ty sẽ đầu tư 1 máy mới A3 Speed hộp 180ml (công suất thiết kế là 24.000 hộp/giờ) để tăng năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của Công ty trong 3-5 năm tới;
- Hiện đại hóa các dây chuyền máy móc thiết bị của Công ty (thay thế 02 máy TBA19). Máy A3 Speed là dòng máy hiện đại và tiên tiến bậc nhất trên thế giới hiện nay do nhà cung cấp Tetrapak có trụ sở tại Thụy Điển cung cấp.

b. Vị trí thực hiện dự án:

- Dự án được thực hiện trong phân xưởng sản xuất của nhà máy hiện hữu của Công ty: Tiểu khu cơ quan, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

c. Chủ dự án: do Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu sở hữu 100% và tự triển khai thực hiện theo năng lực và kinh nghiệm sẵn có của Công ty.



d. Kế hoạch triển khai dự án:

- Bắt đầu triển khai dự án: Tháng 08/2020.
- Thời gian đưa vào vận hành thương mại: Quý II/2021.
- Nghiệm thu toàn dự án: Quý II/2021.

e. Vốn đầu tư và tiến độ giải ngân của dự án:

DVT: triệu đồng

Stt	Hạn mục	Tổng cộng	Kế hoạch giải ngân	
			2020	2021
1	Máy móc thiết bị	115.813	95.278	20,535
2	Thiết bị phụ trợ	3.573	2.858	715
3	Xây dựng	5.000	5.000	-
4	Các hạn mục khác	5.614	2.611	3,003
Tổng cộng		130.000	105.747	24.253

f. Nguồn vốn đầu tư: từ tiền thu được từ phát hành cổ phiếu được trình bày trong tài liệu này.

g. Hiệu quả tài chính:

Suất chiết khấu	13,83%
NPV (triệu vnd)	48.932
IRR	19,2%
Thời gian hoàn vốn có chiết khấu	6 năm 1 tháng (tính từ thời gian sản xuất thương mại Q2/2021)

2.2. Dự án đầu tư trang trại bò sữa mới với qui mô 4.000 con kết hợp du lịch sinh thái và Dự án nâng cấp trang trại hiện hữu lên qui mô 2.000 con.

Dự án này đã được ĐHĐCĐ phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/GBS/2020 vào ngày 17 tháng 07 năm 2020 và theo Nghị quyết số 448-/NQ/HĐQT/2020, ngày 10/08/2020 của HĐQT Công ty.

Ngoài ra, đây là dự án đầu tư phù hợp với chủ trương của Tỉnh Sơn La tại văn bản sau:

- Quyết định số 3249/QĐ-UBND tỉnh Sơn La, ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc Phê duyệt Dự án Quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Nội dung chính của dự án được tóm tắt như sau:

a. Mục đích và sự cần thiết của dự án đầu tư:

- Hiện nay theo thống kê chưa chính thức, mức tiêu thụ sữa tươi của người dân Việt Nam còn rất thấp, ước đạt 20 lít sữa/người/năm. Trong khi đó mức tiêu thụ sữa ở các nước phát triển đã đạt từ 30-50 lít/người/năm.
- Tốc độ tăng trưởng doanh số bình quân của Công ty CP sữa Việt nam (Vinamilk) trong vài năm gần đây giai đoạn 2014-2019 luôn đạt trên dưới khoảng 10%/năm. Nếu tốc độ này tiếp tục được duy trì, thì nhu cầu về sữa tươi nguyên liệu (STNL) cũng sẽ tăng lên với một tốc độ tương ứng cho cả trang trại cơ hữu và đơn vị liên kết.



- Hiện nay, sữa tươi nguyên liệu do đàn bò trong nước cung cấp chỉ mới đáp ứng được khoảng 30% cho các nhà máy sữa, do đó còn rất nhiều tiềm năng phát triển để đáp ứng phần thiếu hụt và nhu cầu tăng trưởng to lớn này.
- Tăng quy mô các trang trại của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu để tạo được cơ sở bền vững cung cấp con giống chất lượng tốt và dịch vụ kỹ thuật cao cho chăn nuôi bò sữa đáp ứng quy mô tăng trưởng vùng.
- Việc tái cơ cấu sản xuất của gia trại tại Thị trấn Nông trường Mộc Châu theo hướng tăng chuyên chăn nuôi bò sữa công nghệ cao và cải thiện công tác bảo vệ môi trường, phát huy lợi thế địa lý và khí hậu là cần thiết để đảm bảo phát triển bền vững thương hiệu MOCCHAUMILK và phát triển trồng cây thức ăn gia súc của các vùng lân cận.
- Đầu tư phát triển bền vững vào sản xuất Nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái đạt được những giá trị vượt trội và lâu dài, thông qua du lịch sinh thái quảng bá được hình ảnh sản phẩm ấn tượng của sữa Mộc Châu Milk, Vinamilk.

b. Vị trí thực hiện dự án:

- Diện tích đất sử dụng cho dự án là 170 hecta tại địa chỉ: Tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Đây là một phần của tổng diện tích 953,21 hecta đất mà Công ty đang thuê của Nhà nước theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La do UBND tỉnh cấp.

c. Chủ dự án: do Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu sở hữu 100% và tự triển khai thực hiện theo năng lực và kinh nghiệm sẵn có của Công ty.

d. Lựa chọn thiết bị công nghệ cho dự án trang trại:

- Mô hình chuồng trại là mô hình kết hợp giữa kiểu chuồng tự do trong chuồng (Freestall), kiểu chuồng tạo sự thoải mái nhất cho bò, trong một diện tích giới hạn bò có thể đi lại tự do, các ô bò nằm nghỉ, nệm cao su chuyên dụng dùng như là vật liệu lót ô nằm.
- Chăn nuôi bò hướng sữa chủ lực là bò thuần Holstein Friesian được nhập từ đàn bò giống có gia phả lý lịch rõ ràng, phối giống lai tạo với các dòng tinh cao sản tạo ra các thế hệ sau thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên, điều kiện chăn nuôi tại Việt Nam để phát triển đàn bò sữa.
- Kỹ thuật chăm sóc khác nhau tùy từng nhóm bò bê, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, sinh sản và sản xuất.
- Khai thác sữa: Bò được nuôi trong hệ thống chuồng mát, vắt sữa 3 lần/ngày, hệ thống vắt sữa công nghệ tự động hóa chuyên dụng và hiện đại theo công nghệ tiên tiến của thế giới, cung cấp sữa nguyên liệu đáp ứng các tiêu chuẩn.
- Trang trại được trang bị hệ thống quản lý đàn tiên tiến nhất thế giới hiện nay, ứng dụng công nghệ 4.0 toàn diện theo công nghệ Mỹ, Israel, châu Âu trong mô hình chăn nuôi, quản lý. Tất cả dữ liệu được lưu trữ đám mây để có thể xử lý tại bất cứ đâu để đảm bảo đàn bò được chăm sóc 24/24 và có sức khỏe tốt, năng suất sữa cao, chất lượng sữa tốt nhất. Tình trạng sức khỏe, động dục, sinh sản, chất lượng sữa... là những thông số được kiểm soát hàng ngày.



- Quản lý cho ăn TMR cho quy mô trang trại lớn, phương pháp cho ăn giúp ổn định hệ thống vi sinh vật dạ cỏ, từ đó giúp sử dụng hiệu quả lượng thức ăn vào và nâng cao khả năng sản xuất.
 - Cơ giới hóa đối với những cánh đồng trồng cỏ trên diện tích lớn, công nghệ trồng trọt dựa vào việc áp dụng các thiết bị trồng và thu cắt hiện đại như máy gieo hạt, máy bón phân, máy làm cỏ, máy gặt băm liên hợp, hệ thống tưới Ocmic hoặc dàn tưới.
 - Trang bị các máy móc, thiết bị công nghệ Chăn nuôi: Hệ thống quản lý phối trộn khẩu phần, hệ thống lập khẩu phần chuyên dụng, hệ thống tắm mát.
 - Trang bị các máy móc, thiết bị công Thú y và Quản lý đàn: Phần mềm quản lý phác đồ điều trị, Phần mềm quản lý sức khỏe, Phần mềm quản lý đàn, ...
- e. Kế hoạch triển khai dự án:
- Bắt đầu triển khai dự án: Tháng 01/2021.
 - Thời gian đưa vào vận hành thương mại:
 - + Trang trại Bò sữa công nghệ cao: Quý III/2022.
 - + Trang trại Du lịch sinh thái: Quý I/2023.
 - Nghiệm thu toàn dự án: Quý IV/2023.
- f. Vốn đầu tư và tiến độ giải ngân của toàn bộ dự án:

DVT: triệu đồng

Diễn giải	Tổng cộng	Kế hoạch giải ngân			
		2020	2021	2022	2023
Đàn bò	193,468	-	106,254	57,214	30,000
Đất đai, san lấp mặt bằng	142,384	99,669	42,715	-	-
Xây dựng	464,880	2,533	174,164	244,362	43,820
Máy móc thiết bị	267,820	-	128,583	69,237	70,000
Máy móc nông nghiệp	51,448	-	23,691	12,757	15,000
Tổng cộng	1,120,000	102,202	475,408	383,570	158,820

- g. Nguồn vốn đầu tư: từ tiền thu được từ phát hành cổ phiếu được trình bày trong tài liệu này.
- h. Hiệu quả tài chính:
- Trang trại bò sữa mới với qui mô 4.000 con kết hợp du lịch sinh thái:

Suất chiết khấu	13,83%
NPV (triệu vnd)	61.786
IRR	15,5%
Thời gian hoàn vốn có chiết khấu	6 năm 7 tháng (tính từ 12/2021)

- Nâng cấp Trang trại hiện hữu lên quy mô 2.000 con bò sữa:

Suất chiết khấu	13,83%
NPV (triệu đồng)	24.046
IRR	18,8%
Thời gian hoàn vốn có chiết khấu	5 năm 1 tháng (tính từ 12/2021)



VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Tổng số cổ phần phát hành: 43.200.000 cổ phần
- Tổng số tiền dự kiến thu được: 1.249.240.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm bốn mươi chín tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng)

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được Ban lãnh đạo Công ty thông qua như sau:

DVT: triệu đồng

Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sữa nước	Tổng cộng
Máy móc thiết bị	115.813
Thiết bị phụ trợ	3.573
Xây dựng	5.000
Các hạng mục khác	5.614
Cộng	130.000
Dự án đầu tư trang trại bò sữa mới với qui mô 4.000 con kết hợp du lịch sinh thái và Dự án nâng cấp trang trại hiện hữu lên qui mô 2.000 con.	Tổng cộng
Đàn bò	193.468
Đất đai, san lấp mặt bằng	142.384
Xây dựng	464.880
Máy móc thiết bị	267.820
Máy móc nông nghiệp	51.448
Cộng	1.120.000
TỔNG CỘNG	1.250.000

Toàn bộ số tiền thu được sẽ dự kiến bắt đầu được giải ngân trong Quý I hoặc Quý II năm 2021, ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán.



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán ra công chúng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 6288 3568 Số fax: (84-24) 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn/en.html

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84-4) 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội (“SSI”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán ra công chúng dùng để đầu tư các dự án phát triển của Công ty là hoàn toàn hợp lý và theo xu thế phát triển của các nhà máy, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng sữa ngày càng gia tăng. Trong đợt phát hành này, Công ty chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, là doanh nghiệp chế biến và phân phối sữa đầu ngành Việt Nam. Các dự án phát triển của Công ty nói riêng và hoạt động kinh doanh nói chung sẽ được cổ đông chiến lược hậu thuẫn.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội cho rằng đây là cơ hội cho các nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu MCM trước khi Công ty chính thức đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường giao dịch có tổ chức.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.



IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
3. Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
4. Phụ lục IV: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, năm 2019 và Báo tài chính 09 tháng năm 2020
5. Các phụ lục khác.



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU



Bà MAI KIỀU LIÊN
Chủ tịch HĐQT

Ông PHẠM HẢI NAM
Tổng Giám đốc

Ông TRẦN NGỌC DUY
Trưởng ban Kiểm soát

Ông LÊ HUY BÍCH
Giám đốc Tài chính

Ông NGUYỄN ANH TÚ
Quyền Kế toán trưởng

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI - CHI NHÁNH HÀ NỘI



Bà NGUYỄN NGỌC ANH
Giám đốc Khối – Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư